

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THU PHƯƠNG

HỢP TÁC HOA KỲ - LB NGA TRONG VẤN ĐỀ GIẢI TRỪ VŨ
KHÍ HẠT NHÂN TỬ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 60 31 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ (ngành) Quan hệ quốc tế

Hà Nội – 2011

Công trình được hoàn thành

tại:.....

Người hướng dẫn khoa học: PGS. NGUYỄN QUỐC

HÙNG

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn

Thạc sĩ họp tại:

.....

.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.

.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

Hòa bình và chiến tranh là một vấn đề lớn theo suốt lịch sử hàng ngàn năm của nhân loại, nhất là trong bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai khi diễn ra sự đối đầu quyết liệt giữa hai siêu cường Hoa Kỳ - Liên Xô và hai phe tư bản chủ nghĩa (TBCN) và xã hội chủ nghĩa (XHCN), đặc biệt với sự xuất hiện của vũ khí hạt nhân. Cùng những tiến bộ trong khoa học kỹ thuật, từ những năm 1950 trở đi, không chỉ Mỹ, Liên Xô mà một loạt nước khác đã sử dụng công nghệ hạt nhân phục vụ cho mục đích an ninh và răn đe quân sự. Hòa bình và an ninh thế giới bị đe dọa nghiêm trọng, đòi hỏi sự cần thiết, cấp bách là phải kiểm soát và giải trừ vũ khí hạt nhân, trước hết là ở hai siêu cường Hoa Kỳ - Liên Xô. Do đó, tuy đối đầu và luôn trong tình trạng chạy đua vũ trang, đặc biệt là vũ khí hạt nhân, song cả Hoa Kỳ và Liên Xô đều ý thức được những thảm họa hạt nhân và chấp nhận một chiến dịch nhằm hạn chế việc chạy đua vũ khí hạt nhân, duy trì một nền hòa bình mong manh lúc đó. Để quá trình giám sát chạy đua vũ khí hạt nhân được thực hiện trên toàn cầu, năm 1957, một cơ quan quốc tế đã được Liên Hợp Quốc (LHQ) thành lập với tên gọi Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA).

Một giai đoạn mới là thời kỳ sau Chiến tranh lạnh với việc Hoa Kỳ- LB Nga ký kết Hiệp ước cắt giảm vũ khí tấn công chiến lược 1 (START 1) vào năm 1991 và Hiệp ước START mới (New START) do Tổng thống Mỹ Barack Obama và Tổng thống Nga Dmitry Medvedev ký kết ngày 8/4/2010. Với Hiệp ước START 3, sau 7 năm thực hiện, số phương tiện phóng đầu đạn hạt nhân của Hoa Kỳ và Nga sẽ giảm hơn 30% so với Hiệp ước cắt giảm tiềm lực tấn công chiến lược ký tại Moscow (Nga) đầu năm 2002, tức là từ 2.200 đơn vị xuống còn 1.550 đơn vị; tên lửa đạn đạo xuyên lục địa, tên lửa đạn đạo đặt

trên tàu ngầm và các máy bay ném bom hạng nặng.. sẽ giảm xuống còn một nửa so với START 1, từ 1.600 đơn vị xuống còn 700 đơn vị. Số bộ phóng tên lửa (đã triển khai và chưa triển khai) của mỗi bên không vượt quá 800 đơn vị. Hiệp ước START 3 có hiệu lực 10 năm kể từ ngày Quốc hội hai nước phê chuẩn và có thể gia hạn mỗi lần 5 năm. Từ tháng 2 năm 2011, Hiệp ước START 3 bắt đầu có hiệu lực sau khi được Quốc hội hai nước phê chuẩn. Hiệp ước START 3 không chỉ là một bước tiến trong hợp tác giữa Hoa Kỳ - LB Nga mà còn được coi là bước khởi đầu, đặt nền móng vững chắc cho quá trình phi hạt nhân hóa trên Trái Đất...

Vì thế, mục tiêu đầu tiên của luận văn là đưa ra cái nhìn tổng quan về hòa bình-an ninh của thế giới bị đe dọa bởi sự hủy diệt của vũ khí hạt nhân và nhận định về sự hợp tác của Hoa Kỳ - LB Nga từ Hiệp ước START 1 đến START mới với những thay đổi trong chính sách hạt nhân của các cường quốc này qua từng thời kỳ từ năm 1992 đến nay. Tiếp đó là trả lời câu hỏi về động cơ, vai trò của cả Hoa Kỳ - LB Nga trong quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân trên thế giới, đặc biệt là trong giai đoạn sau thời kỳ Chiến tranh lạnh. Luận văn cũng sẽ góp phần đưa ra cái nhìn về cuộc chạy đua vũ trang đầy tốn kém bắt đầu từ thời kỳ Chiến tranh lạnh và có những điều chỉnh từ năm 1992 trong bối cảnh xu thế phát triển mới của thế giới.

Về giới hạn, đề tài điểm lại ngắn gọn sự hợp tác Hoa Kỳ - Liên Xô về giải trừ vũ khí hạt nhân trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Sau đó, đề tài đi sâu nghiên cứu, phân tích sự hợp tác Hoa Kỳ - LB Nga từ năm 1992 sau khi ký Hiệp ước START 1 và dừng ở năm 2010 với việc Hoa Kỳ - LB Nga tiếp tục ký Hiệp ước START 3 như một bước tiến trong việc giải trừ quân bị và không phổ biến vũ khí hạt nhân.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ CỦA SỰ HỢP TÁC HOA KỲ - LIÊN XÔ TRONG GIẢI TRỪ VŨ KHÍ HẠT NHÂN

1.1 NHÌN LẠI SỰ HỢP TÁC HOA KỲ - LIÊN XÔ VỀ GIẢI TRỪ VŨ KHÍ HẠT NHÂN TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

Ý thức và lo ngại về nguy cơ xảy ra chiến tranh hạt nhân, cộng thêm gánh nặng chi phí quân sự quá lớn cho nền kinh tế trong nước, nên dù vẫn buộc phải lao vào cuộc chạy đua vũ trang với Hoa Kỳ, Liên Xô vẫn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi trên mặt trận ngoại giao vì hòa bình, an ninh và phát triển. Các diễn đàn quốc tế, các cuộc tiếp xúc, đối thoại, đàm phán Xô - Mỹ nhanh chóng được tổ chức nhằm khống chế cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân. Nhưng quá trình khống chế này bị hạn chế bởi sự phát triển của cuộc Chiến tranh lạnh. Đến giữa những năm 1980, việc khống chế vũ khí hạt nhân cơ bản chỉ hạn chế ở việc xây dựng các biện pháp lòng tin để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân xảy ra và hạn chế việc thử nghiệm, chủng loại, số lượng, chất lượng và bố trí vũ khí hạt nhân. Từ cuối những năm 1980, Hoa Kỳ và Liên Xô mới bắt đầu tiến hành đàm phán, thực hiện việc cắt giảm vũ khí hạt nhân.

1.1.1 Những Hiệp ước ban đầu:

Việc đàm phán về không chế vũ khí hạt nhân giữa Mỹ - Xô được học giả Trương Tiểu Minh chia thành ba giai đoạn, mỗi giai đoạn đều đạt được một số thỏa thuận. Từ sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc tới cuối những năm 1960 là giai đoạn thứ nhất, với thành quả đáng khích lệ là việc ra đời ba hiệp ước gồm: Hiệp ước hạn chế thử vũ khí hạt nhân (LTB) năm 1963; Hiệp ước về không gian vũ trụ (OST) năm 1967 và Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) năm 1968. Đây là những hiệp ước có ý nghĩa quan trọng, làm tiền đề cơ bản cho quá trình hạn chế vũ khí hạt nhân giữa Mỹ - Xô và trên thế giới.

Hiệp ước LTB ra đời sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba. Khi đó, Mỹ đang thực hiện kế hoạch quân chế năng lượng nguyên tử quốc tế với tên gọi “kế hoạch Baruch” được LHQ biểu quyết thông qua tháng 11/1948. Theo kế hoạch này, tất cả các vấn đề về phát triển và sử dụng năng lượng nguyên tử trên thế giới đều do một tổ chức phát triển nguyên tử quốc tế giám sát, bất kỳ một hành vi nào dùng nhiên liệu hạt nhân để phát triển vũ khí đều bị trừng phạt nghiêm khắc. Sau đó, Liên Xô đưa ra đề nghị mới về phi quân sự hóa vũ trụ nhưng không gắn với các vấn đề khác và nhận được sự chấp thuận của Hoa Kỳ. Ngày 16/6/1966, Hoa Kỳ và Liên Xô cùng đưa ra trước Đại hội đồng LHQ dự thảo Hiệp ước OST trong đó bản dự thảo của Hoa Kỳ chỉ đề cập đến việc phi quân sự hóa các hành tinh trong vũ trụ còn bản dự thảo của Liên Xô lại đề nghị về phi quân sự hóa toàn bộ vũ trụ. Sau khi Hoa Kỳ chấp nhận đề nghị của Liên Xô dù vẫn bảo lưu một số ý kiến về một số điểm thuộc kỹ thuật, ngày 27/1/1967, Hoa Kỳ, Liên Xô cùng với Anh và 61 nước khác ký Hiệp ước về quản lý các hoạt động trong vũ trụ (OST), gọi tắt là Hiệp ước về không gian vũ trụ.

Năm 1965, Hoa Kỳ lại đệ trình lên Ủy ban giải trừ quân bị của LHQ dự thảo Hiệp ước NPT. Cũng trong năm đó, các nước tham gia

Hội nghị giải trừ quân bị quốc tế ở Geneva (Thụy Sĩ) đã thảo luận về một dự thảo Hiệp ước NPT. Tuy nhiên bản dự thảo cuối cùng của Hiệp ước NPT được các quốc gia chấp thuận, đồng ý thông qua lại do Ireland soạn thảo. Ngày 1/7/1968, tại thủ đô Washington D.C, Moscow và London, Hoa Kỳ, Liên Xô và Anh cùng 43 quốc gia khác đã ký vào Hiệp ước NPT, đưa Hiệp ước này có hiệu lực từ ngày 5/3/1970. Ngày 11/5/1995, tại thành phố New York (Mỹ), hơn 170 quốc gia đã quyết định mở rộng Hiệp ước không giới hạn và không điều kiện. Đồng thời, Hiệp ước NPT thiết lập một hệ thống giám sát quốc tế do IAEA điều hành để kiểm tra chương trình hạt nhân của các nước thành viên.

1.1.2 Những Hiệp ước then chốt

Đến cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970, Liên Xô đã có được sự cân bằng về sức mạnh hạt nhân chiến lược so với Mỹ, đồng thời mối quan hệ giữa phương Đông và phương Tây cũng được cải thiện nhiều, bước vào thời kỳ “hòa hoãn”. Do ảnh hưởng của cải thiện quan hệ chính trị và thực tế cân bằng hạt nhân chiến lược nên sự khống chế vũ khí hạt nhân trong thời kỳ này đạt được những thành quả tương đối lớn mà cụ thể là một loạt hiệp ước mới ra đời. Từ ngày 17/11/1969 đến ngày 27/5/1972, Hoa Kỳ và Liên Xô đã tiến hành đàm phán về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn thứ nhất. Kết quả của cuộc đàm phán là tháng 5/1972, Mỹ - Xô ký Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo (ABM) và Hiệp ước tạm thời về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn 1 (SALT 1). Trước đó, vào ngày 11/2/1971, Hoa Kỳ, Liên Xô cùng với 66 quốc gia khác đã tham gia ký Hiệp ước cấm thử, tàng trữ và sử dụng vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt dưới đáy đại dương (SACT).

Bản Hiệp ước tạm thời SALT 1 có hiệu lực từ ngày 3/10/1972 và với thời hạn hiệu lực là 5 năm, bao gồm 8 điều khoản kèm theo một Nghị định thư và một bản ghi nhớ. Nội dung chính của Hiệp ước là:

quy định mức tối đa của Hoa Kỳ là 710 bộ phóng tên lửa đạn đạo trên tàu ngầm thông thường và 44 tàu ngầm hiện đại mang tên lửa đạn đạo, số lượng tương ứng của Liên Xô là 950 và 62. Ngoài ra, Hoa Kỳ được bổ sung tối đa 656 bộ phóng tên lửa đạn đạo trên tàu ngầm chạy bằng năng lượng nguyên tử và số lượng tương ứng của Liên Xô là 740. Các số lượng bổ sung này dùng để thay thế cho số lượng tương đương các loại bộ phóng đời cũ được triển khai trước năm 1964 hoặc được triển khai trên các tàu ngầm đời cũ. Trong lĩnh vực cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược, đây là lần đầu tiên hai siêu cường hạt nhân Mỹ-Xô đàm phán có kết quả để cắt giảm một phần lực lượng vũ khí hạt nhân chiến lược của họ. Đồng thời, Hiệp ước tạm thời SALT 1 còn tạo điều kiện cho Hoa Kỳ và Liên Xô ký tiếp một số văn kiện quan trọng khác về vũ khí hạt nhân như Hiệp định về ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân (PNW) nhân chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch Liên Xô Brezhnev tháng 6/1973; Nghị định thư bổ sung cho Hiệp ước hạn chế các hệ thống chống tên lửa đạn đạo (PRO-SALT); Hiệp ước hạn chế thử vũ khí hạt nhân ngầm dưới đất (TTBT); Nghị định thư bổ sung cho Hiệp ước TTBT và Hiệp ước về các vụ nổ hạt nhân ngầm dưới đất vì mục đích hòa bình (PNET). Nội dung chính của Hiệp ước TTBT là cấm các cuộc thử vũ khí hạt nhân ngầm dưới đất vượt quá mức 150 kilotôn.

Song, Hiệp ước tạm thời SALT 1 không thực sự ngăn cản được cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân Xô-Mỹ. Những “kẻ hở” của các văn bản tạo điều kiện cho cả hai nước tiếp tục phát triển vũ khí hạt nhân, cả về số lượng và chủng loại. Từ ngày 21/11/1972 đến 18/6/1979, Mỹ và Liên Xô tiến hành đàm phán về Hiệp ước SALT 2, mục tiêu chủ yếu là đưa Hiệp ước tạm thời mà hai bên đã đạt được thành Hiệp ước mang tính vĩnh viễn. Trải qua nhiều thăng trầm, gián đoạn, cuối cùng, ngày 18/6/1979, tại thủ đô Vienna (Áo), Hoa Kỳ và Liên Xô đã ký Hiệp ước SALT 2. Trong 19 điều khoản, Hiệp ước

SALT 2 quy định: giới hạn tổng số các phương tiện điều khiển vũ khí hạt nhân chiến lược của mỗi bên lúc đầu là 2.400, sau sẽ giảm xuống còn 2.250 vào tháng 1/1981; tổng số các bộ phóng tên lửa đạn đạo xuyên lục địa (ICBM), bộ phóng tên lửa đạn đạo đặt trên tàu ngầm (SLBM) và máy bay chiến lược mang tên lửa đạn đạo không đối đất (ASBM) được trang bị tên lửa mang đầu đạn tự tách (MIRV) không vượt quá 1.200; tổng số các loại bộ phóng kể trên và số máy bay ném bom hạng nặng trang bị tên lửa hành trình có tầm bắn hơn 600km không vượt quá 1.320; cấm thử và triển khai các loại ICBM mới, khống chế số đầu đạn của mỗi loại bộ phóng... Về lý thuyết, Hiệp ước SALT 2 sẽ làm cho số lượng vũ khí hạt nhân chiến lược của Hoa Kỳ và Liên Xô bằng nhau, song, nó chỉ điều chỉnh chứ không cần việc tăng cường số lượng các tên lửa hạt nhân mang đầu đạn tự tách cũng như không đề cập đến các loại tên lửa tầm trung ở châu Âu. Một điểm nữa là sau khi Liên Xô xâm nhập Afghanistan, Quốc hội Mỹ đã không phê chuẩn Hiệp ước SALT 2 khiến Hiệp ước này không có hiệu lực thi hành. Sự chết yểu của một Hiệp ước này đã khiến cho đối kháng Mỹ - Xô ngày càng gay gắt và tác động mạnh tới tiến trình giải trừ quân bị trên thế giới.

. Thông qua sự đàm phán tích cực của hai bên, ngày 17/9/1987, Hoa Kỳ - Liên Xô đã đạt được thỏa thuận mang tính nguyên tắc về việc hủy bỏ vũ khí hạt nhân tầm trung và tầm ngắn. Tháng 12-1987, Hiệp ước hủy bỏ vũ khí hạt nhân tầm trung và tầm ngắn (INF) được ký kết. Tên lửa hạt nhân mà hai bên đồng ý hủy bỏ bao gồm: 256 quả tên lửa hành trình và 108 quả tên lửa Poxing-II mà Mỹ đã bố trí ở Tây Âu; 441 quả tên lửa SS-20 và 112 quả tên lửa SS-4 mà Liên Xô bố trí ở châu Âu, châu Á cùng 130 quả tên lửa tầm trung. Chưa hết, khi hai nguyên thủ chính thức ký Hiệp ước, hai bên tiếp tục hủy bỏ 859 tên lửa tầm trung và 1.752 tên lửa tầm ngắn, chiếm

tỷ lệ khoảng 4% trong kho vũ khí hạt nhân của hai nước. Nhưng hiệp ước có ý nghĩa tích cực, đánh dấu lần hòa dịu cuối cùng trong quan hệ Mỹ - Xô lại là Hiệp ước cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược giai đoạn 1 (START 1) được ký vào ngày 31/7/1991. Hoa Kỳ và Liên Xô được yêu cầu phải thủ tiêu khoảng 1/3 kho vũ khí hạt nhân chiến lược của mình trong vòng 7 năm kể từ ngày Hiệp ước được ký. Hiệp ước START 1 còn cấm các nước tham gia ký kết triển khai, đồng thời buộc cắt giảm các loại vũ khí chiến lược xuống còn khoảng 6.000 đầu đạn hạt nhân, 1.600 phương tiện phóng đầu đạn hạt nhân, máy bay ném bom, tàu ngầm chống tên lửa đạn đạo. Hiệp ước START 1 bao gồm một cơ chế thẩm tra, trong đó có việc trao đổi các dữ liệu chi tiết, thông báo rộng rãi, 12 hình thức giám sát tại chỗ và các hoạt động kiểm định liên tục nhằm giúp đảm bảo rằng các nước ký kết tuân thủ các quy định của hiệp ước. Bên cạnh đó, Hiệp ước START 1 còn có các điều khoản cho phép tới 30 nhà giám sát tiến hành giám sát liên tục tại một địa điểm của Mỹ và hai địa điểm của Liên Xô. Ngày 5/12/2009, Hiệp ước START 1 hết hiệu lực.

1.2 NHỮNG TIỀN ĐỀ HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC HOA KỲ - LB Nga

1.2.1 Cục diện thế giới sau Chiến tranh lạnh

Sau khi trật tự thế giới hai cực tan rã, tình hình thế giới đã có nhiều diễn biến thay đổi với những nét nổi bật như: thế giới phát triển theo hướng đa cực, Liên Xô tan rã cùng với đó là sự ra đời của 15 quốc gia độc lập, có chủ quyền trong không gian hậu Xô viết. Dù là một cực duy nhất còn lại, song Mỹ đã bị suy yếu. Do đó, hòa bình thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, nhưng hòa bình ở nhiều khu vực bị đe dọa, thậm chí ở nhiều nơi xung đột quân sự, nội chiến diễn ra ác liệt. Đặc biệt, Chiến tranh lạnh chấm dứt cũng tạo nên

môi trường cho sự phát triển của các thể lực tôn giáo, đặc biệt là đạo Hồi – một trong 3 tôn giáo lớn của thế giới, có mặt trong 75 nước với hơn 1 tỷ tín đồ. Đạo Hồi hoạt động sôi nổi trong lĩnh vực chính trị thế giới, nhất là chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan - “Nó giống như một cơn sóng khổng lồ không chỉ tung phá biên giới quốc gia và khu vực, làm rung động toàn bộ thế giới Hồi giáo, mà còn trên chừng mực nhất định, ảnh hưởng đến sự thay đổi và phát triển tình hình thế giới”. Về vũ khí hạt nhân, Trung Quốc cũng đã có những nghiên cứu và phát triển với lý do để bảo vệ an ninh. Trong khi đó, vào tháng 8/1998, Thủ tướng Ấn Độ Atal Bihari Vajpayee nói một cách hãnh diện, sau khi nước ông thí nghiệm hạt nhân rằng “bây giờ chúng tôi có một quả bom lớn, Ấn Độ là một quốc gia hạt nhân”. Nhiều nước khác cũng coi việc sở hữu hạt nhân là “niềm tự hào dân tộc”. Theo một báo cáo của IAEA đưa ra hồi tháng 9/2004, hơn 40 quốc gia có khả năng sản xuất vũ khí hạt nhân.

Riêng ở châu Âu, các chính phủ có vẻ dè dặt hơn trong vấn đề vũ khí hạt nhân nhưng họ lại khuyến khích việc sử dụng hạt nhân vì mục đích hòa bình. Quan điểm của Liên minh châu Âu (EU) là khu vực này phải có trách nhiệm là chủ thể trong cuộc đấu tranh quốc tế chống phổ biến vũ khí hạt nhân dựa trên cơ sở một sự phân tích chung về mối đe dọa. EU hợp tác chặt chẽ với các đối tác lớn để xử lý càng hiệu quả càng tốt mối đe dọa toàn cầu này, nhất là với Mỹ, Canada, Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản, những nước mà châu Âu đang phát triển sự hợp tác trong lĩnh vực này. Để hòa nhập cuộc đấu tranh chống phổ biến vũ khí hạt nhân vào toàn bộ các mối quan hệ bên ngoài, EU đã đưa các điều khoản về cuộc đấu tranh chống phổ biến vũ khí hạt nhân vào các thỏa thuận hợp tác đã ký với các nước thứ ba. Và khi sự đối đầu căng thẳng giữa Mỹ-Xô không còn, cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân cũng giảm bớt song hệ quả để lại của nó lại không nhỏ. Trái

ngược với sự suy giảm về mối lo ngại một cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân, nguy cơ về sự rò rỉ vũ khí hạt nhân lại tăng lên. Nguy cơ này không chỉ có khả năng xuất phát từ những quốc gia chưa có cơ chế kiểm soát hạt nhân chặt chẽ (gồm các quốc gia thuộc Liên Xô cũ) mà còn từ các nước phát triển chương trình vũ khí hạt nhân từ chương trình hạt nhân dân sự như Pakistan, Iran, CHDCND Triều Tiên... Chưa hết, một vấn đề khác cũng đang trở thành mối quan tâm, lo lắng hàng đầu của toàn thế giới chính là sự hình thành, phát triển của các thể lực khủng bố và khả năng có được vũ khí hạt nhân của những lực lượng này. Sự kiện 11/9 càng khiến cho mối lo này thêm hiện hữu. Vì thế, một lần nữa, cả Nga và Mỹ phải tiếp tục đẩy lên “ngọn cờ” cắt giảm vũ khí hạt nhân vừa để bảo đảm an toàn, an ninh cho thế giới, mặt khác còn giúp hai quốc gia này tiếp tục khống chế các đối thủ cạnh tranh.

1.2.2 Sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại - an ninh của Hoa Kỳ, LB Nga

Nước Mỹ dù đang ở vị thế siêu cường thế giới duy nhất cũng có những thay đổi trong tư duy đối ngoại. Và mặc dù có những điều chỉnh dưới cái tên “Vượt trên ngăn chặn”, song chiến lược đối ngoại đầu tiên sau Chiến tranh lạnh của Mỹ, dưới thời Tổng thống George H.W.Bush vẫn là sự kế thừa và phát triển chiến lược ngăn chặn Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản. Thực chất của chiến lược này là lợi dụng các cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Đông Âu để đẩy nhanh hơn nữa “diễn biến hòa bình”. Tiếp đó là chiến lược “cam kết và mở rộng”, chiến lược “đánh đòn phủ đầu”... Bên cạnh đó, Mỹ cũng đề cao vai trò quan trọng của liên minh quân sự-chính trị lớn nhất thế giới - Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Nhìn chung, tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh lạnh là tư tưởng

thực hiện hành động ngoại giao dựa vào sức mạnh, trên cơ sở sức mạnh (sức mạnh “cứng” và sức mạnh “mềm”); mục tiêu cốt lõi, xuyên suốt, lâu dài của Mỹ là duy trì, củng cố vị thế siêu cường thế giới (rồi siêu cường thế giới duy nhất) và vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ trong đời sống xã hội loài người. Riêng đối với Liên Bang (LB) Nga - quốc gia được coi là kế thừa Liên Xô, Hoa Kỳ vẫn có những “ưu tiên đối ngoại” với tính cách là “đối tác chiến lược”. Mỹ muốn Nga là đối tác của mình, thậm chí là “đối tác chiến lược”, song chỉ là đối tác mạnh vừa phải, khá giả vừa phải, có hòa bình, ổn định và tất nhiên coi trọng hết mực “vai trò cố vấn” của Mỹ trong hoạch định và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội, nhất là luôn ủng hộ Mỹ trên trường quốc tế. Trong khi tỏ ra kiêng nể lòng tự ái của người Nga, Mỹ cũng không kém phần kiên quyết và triệt để phá vỡ những nền tảng địa - chính trị (những nền tảng dù chỉ về nguyên tắc và lý thuyết) có thể cho phép “nước Nga mới” chiếm vị thế siêu cường thứ hai trong nền chính trị thế giới, vị thế mà Liên bang Xô viết đã từng chiếm giữ.

Trong khi đó, LB Nga là nước cộng hòa lớn nhất, có tiềm lực mạnh nhất của Liên bang Xô viết, được tiếp nhận quy chế đặc biệt “Quốc gia kế tục Liên Xô”. Ra đời trong bối cảnh như vậy, nên bộ máy chính quyền của Tổng thống Boris Yeltsin đã đặt mục tiêu đối ngoại bao trùm là tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi để đạt được 3 trụ cột: xây dựng nước Nga thành một nước dân chủ hiện đại theo mô thức phương Tây; có một nền kinh tế phát triển theo nguyên tắc thị trường; có vai trò, vị trí quốc tế xứng đáng với tiềm năng, tiềm lực và truyền thống của nước Nga trên tư cách là một cường quốc trong trật tự thế giới đang hình thành sau Chiến tranh lạnh, lâu dài hơn là xác lập được vai trò, vị thế quốc tế tương tự như Liên Xô trước đây từng có trong đời sống các quan hệ quốc tế hiện đại. Tham vọng của Tổng thống Boris Yeltsin là với chính sách đối ngoại “định hướng Đại Tây

Dương”, nước Nga sẽ nhanh chóng trở thành thành viên đầy đủ và bình đẳng của Câu lạc bộ các nước TBCN phát triển. Do đó, trong giai đoạn 1991-1993, ban lãnh đạo LB Nga đã khai thác mọi khả năng (nhiều khi bằng mọi giá, kể cả những nhượng bộ, thỏa hiệp vô điều kiện) trong quan hệ với các nước phương Tây, nhằm sớm đưa nước Nga hòa nhập thể giới phương Tây. Tuy nhiên, sau hơn hai năm thực hiện chính sách này, những kết quả mà nước Nga đạt được quá ít ỏi. Vì thế, từ năm 1994, Nga lại lấy “định hướng Âu-Á” thay cho “định hướng Đại Tây Dương.

Đến năm 2000, nước Nga một lần nữa lại thay đổi chính sách đối ngoại, trong đó ghi rõ: “ưu tiên tối cao trong đường lối đối ngoại của Nga là bảo vệ lợi ích con người, xã hội và Nhà nước Nga”. Thời kỳ này, nước Nga, đứng đầu là Tổng thống Vladimir Putin tiếp tục theo đuổi mục tiêu trở thành đối tác tin cậy, bình đẳng với Mỹ. Nhưng có lẽ, “cuộc cách mạng” trong nền ngoại giao Nga chỉ có khi xảy ra vụ tấn công khủng bố 11/9/2001. Trên thực tế, sự kiện 11/9/2001 ở nước Mỹ đã giúp Nga thực hiện ít nhất 3 mục tiêu được đề ra từ lâu nhưng chưa thực hiện được: tiêu diệt tận gốc lực lượng đòi ly khai ở Cộng hòa Tatarstan; ủng hộ và tham gia liên minh quốc tế chống khủng bố với Mỹ và các nước phương Tây; mở rộng hoạt động ngoại giao đa phương ra các địa bàn, các khu vực khác nhau... Trong một cuộc hội thảo do tạp chí Đời sống quốc tế tổ chức tại Nga hồi tháng 12/1997, một nhà sử học của Nga đã nói: “Chúng ta quan tâm không phải đến bất kỳ thể giới đa cực nào, mà là thể giới đa cực trong đó Nga là một trong những trung tâm sức mạnh. Thể giới đa cực mà trong đó Nga không phải là một trong những nước tham gia chủ yếu của các sự kiện, thì đối với chúng ta cũng là phương hết sức bất lợi như thể giới đơn cực trong đó chỉ có một cường quốc khổng lồ”. [15, tr.176]. Vì thế,

nhieu người cho rằng chính sách đối ngoại của Nga từ thời Tổng thống Vladimir Putin mang tính thực dụng cao.

1.3 TIỂU KẾT

Rõ ràng, Hoa Kỳ - Liên Xô là hai quốc gia khởi xướng và thúc đẩy cuộc chạy đua vũ trang đầy tốn kém trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, đặc biệt là trong lĩnh vực vũ khí hạt nhân. Song, trước những nguy cơ hủy diệt của loại vũ khí có sức công phá lớn này, cả Hoa Kỳ - Liên Xô đều có ý thức phải hợp tác để giảm thiểu các mối đe dọa phát sinh cũng như ngăn chặn nguy cơ xảy ra một cuộc chiến tranh hạt nhân. Nỗ lực trong việc kiểm soát và giải trừ vũ khí hạt nhân của hai nước được đánh giá và ghi nhận thông qua một loạt hiệp ước. Khi Liên Xô tan rã, trật tự thế giới hai cực bị phá vỡ, Mỹ - Nga vẫn tiếp tục thúc đẩy quá trình giải trừ vũ khí hạt nhân có từ thời Chiến tranh lạnh. Nguyên do là bởi vì Mỹ - Nga đều có lợi ích song trùng trong lĩnh vực an ninh quốc tế. Một mặt, Mỹ - Nga đều không coi nhau là hiểm họa quân sự, mặt khác, hai nước lại không muốn có sự phân bố lại lực lượng quân sự cho những thành viên khác của thế giới mà họ không kiểm soát được. Nghĩa là, cả Mỹ và Nga đều cùng kiềm chế lẫn nhau, ngăn cản việc nước này hay nước kia cung cấp vũ khí hạt nhân hoặc công nghệ sản xuất loại vũ khí này cho nước thứ ba. Lợi ích chung của Mỹ-Nga là ở chỗ không để xảy ra sự khuếch tán lực lượng có thể dẫn đến sự xuất hiện những siêu cường quân sự mới trong thế kỷ 21; không để nước thứ ba gia tăng sức mạnh quân sự đạt được sự bá quyền ở cả châu Âu, Trung cận Đông lẫn châu Á-Thái Bình Dương. Đây chính là động lực chủ yếu kích thích sự hợp tác giữa Mỹ và Nga trong lĩnh vực an ninh. Đặc biệt, nếu hai nước này không kiểm soát được vũ khí hạt nhân thì nguy cơ loại vũ khí này rơi vào tay các lực lượng khủng bố quốc tế và Hồi giáo cực đoan là rất lớn. Xuất phát từ nhu cầu của cả hai phía muốn bảo vệ an ninh cho mình, giới cầm quyền Mỹ -

Nga về cơ bản đã nhất trí việc tiếp tục thực hiện các chương trình hạn chế, cắt giảm vũ khí hạt nhân được bắt đầu từ thời Chiến tranh lạnh.

CHƯƠNG 2: HỢP TÁC HOA KỲ- LB NGA TRONG GIẢI TRỪ VŨ KHÍ HẠT NHÂN TỪ NĂM 1992 ĐẾN NĂM 2008

Ngày 11/9/2001, vụ tấn công khủng bố nhằm vào Trung tâm thương mại thế giới (WTC), Lầu Năm Góc... đã gây kinh hoàng cho người Mỹ và dân chúng trên toàn thế giới. Một nhóm không tặc gần như cùng một lúc cướp 4 máy bay Boeing chở khách trên đường bay nội địa trong nước Mỹ. Nếu không tính 19 không tặc, có cả thấy 2.974 người mang quốc tịch của 90 quốc gia khác nhau đã thiệt mạng trong vụ tấn công khủng bố này. Vụ việc cho thấy, an ninh và sự an toàn của nước Mỹ bị đe dọa nghiêm trọng. Ngay sau đó, Tổng thống Hoa Kỳ George W.Bush đã phát động cuộc chiến tranh chống khủng bố, ra lệnh tấn công Afghanistan và nhận được sự ủng hộ của LB Nga. Với sự kiện lớn này, có thể chia giai đoạn hợp tác trong vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân Nga-Mỹ thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh thành hai giai đoạn: giai đoạn 1 từ năm 1992-2001 và giai đoạn 2 từ năm 2002-2008.

2.1 HỢP TÁC HOA KỲ - LB NGA TRONG GIẢI TRỪ VŨ KHÍ HẠT NHÂN GIAI ĐOẠN 1992-2001

2.1.1 Quá trình thực hiện Hiệp ước START 1

Ngay từ tháng 9/1991, Hoa Kỳ đã từng bước thực hiện những cam kết trong bản Hiệp ước START 1 và việc đầu tiên là rút vũ khí hạt nhân được bố trí ở một số nước đồng minh. Đến tháng 12/1991, Hoa Kỳ đã giải thể Bộ Tư lệnh không quân chiến lược, nơi từng quản lý hơn 1.000 tên lửa đạn đạo xuyên lục địa, 100 máy bay ném bom chiến lược B1-B, gần 300 B-52 và FB-111 trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Tổng thống Mỹ Bill Clinton còn chỉ thị cho Bộ Quốc phòng Mỹ lần đầu tiên soạn thảo một văn kiện mới liên quan đến vũ khí hạt nhân (viết tắt là NPR – Nuclear Posture Review), trong đó có nhiều nội dung quan trọng như chính sách hạt nhân, học thuyết hạt nhân, cơ cấu lực lượng hạt nhân, hạ tầng cơ sở hạt nhân của Mỹ, tình hình phát triển vũ khí hạt nhân trên thế giới, môi trường an ninh quốc tế và chế độ kiểm soát vũ khí hạt nhân. Còn LB Nga được kế thừa phần lớn di sản quân sự của Liên Xô, trong đó, đáng chú ý nhất là kho vũ khí hạt nhân. Trước đây, Liên Xô bố trí vũ khí hạt nhân trên lãnh thổ 4 nước cộng hòa: Nga, Ukraine, Kazakhstan, Belarus, trong đó chủ yếu bố trí ở Nga. Để ngăn chặn việc xuất hiện 4 quốc gia có vũ khí hạt nhân thay cho một siêu cường hạt nhân, Mỹ và các cường quốc phương Tây tuyên bố họ chỉ dành cho một mình nước Nga quyền thừa kế tư cách cường quốc hạt nhân của Liên Xô trước đây.

Quá trình thực hiện Hiệp ước START 1 từ phía Nga bắt đầu sau ngày 21/12/1991, khi đại diện của Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) đạt được thỏa thuận quan trọng về vũ khí hạt nhân tại cuộc họp ở Alma, Ata (Kazakhstan). Theo đó, Ukraine, Kazakhstan và Belarus được yêu cầu phải loại bỏ toàn bộ vũ khí hạt nhân trên lãnh thổ chậm nhất là vào ngày 1/7/1992 bằng cách chuyển giao cho Nga. Ukraine, Belarus, Kazakhstan cũng đồng ý trở thành thành viên của Hiệp ước NPT, cam kết trở thành các quốc gia không có vũ khí hạt nhân trong thời gian ngắn nhất và cho phép nhân viên an ninh của IAEA giám sát

các hoạt động liên quan đến hạt nhân của nước mình. 9 ngày sau cuộc họp ở Kazakhstan, 3 quốc gia gồm Nga, Ukraine, Belarus đã nhóm họp ở Minsk để đưa ra lộ trình giải trừ vũ khí hạt nhân. Chẳng cần đợi lâu, Nga bắt tay vào việc giải trừ vũ khí hạt nhân ở Ukraine, Belarus. Việc này được thực hiện từ giữa tháng 2/1992. Để hỗ trợ các nước Ukraine, Belarus, Kazakhstan thực hiện Hiệp ước START 1, Hoa Kỳ đã cam kết viện trợ 400 triệu USD mỗi năm cho việc phá hủy vũ khí hạt nhân của các nước này. Hoa Kỳ cũng đồng ý mua lại chất uranium đã được làm giàu lấy từ các đầu đạn hạt nhân bị dỡ bỏ với tổng giá trị khoảng 12 tỷ USD trong vòng 20 năm.

Một số tư liệu nước ngoài cho hay, thời điểm đó, Quốc hội Mỹ đã thành lập chương trình “Hợp tác giảm thiểu mối đe dọa” (Cooperative threat reduction- CTR) và ủy quyền cho Lầu Năm Góc thực hiện. Chương trình này hỗ trợ 400 triệu USD mỗi năm cho việc đảm bảo an toàn quá trình tháo dỡ và lưu trữ vũ khí hạt nhân tại các quốc gia thuộc Liên Xô. Chương trình CTR đã được mở rộng trong nhiều năm và bảo hiểm một số lĩnh vực chính: an toàn đầu đạn hạt nhân, giao thông vận tải, cơ sở vật chất lưu trữ hạt nhân, không phổ biến vũ khí hạt nhân, phá hủy vũ khí hóa học... CTR cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa trở lại Nga hơn 1.000 đầu đạn hạt nhân từ Belarus, Kazakhstan, Ukraine; di chuyển và lưu trữ an toàn trên 2.500 đầu đạn hạt nhân từ các căn cứ tên lửa và máy bay ném bom; chấm dứt hoạt động của bốn trung đoàn tên lửa đạn đạo xuyên lục địa SS-19 ở Ukraine, loại bỏ 750 tên lửa từ bộ phóng và khoảng 630 máy bay ném bom chiến lược. Trong 5 năm đầu tiên, chương trình CTR chủ yếu tập trung vào chuyển giao vũ khí hạt nhân chiến lược ở Belarus, Kazakhstan và Ukraine. Giai đoạn từ năm 1996 trở đi, chương trình đạt được thành công đáng kể trong việc hỗ trợ tháo dỡ vũ khí hạt nhân ở Nga. Chi tính riêng từ

năm 1992-1999, CTR đã hỗ trợ cho Nga 1,7 tỷ USD trong việc giải trừ vũ khí hạt nhân. Đến cuối năm 1999, Quốc hội Mỹ đã thông qua khoản tiền 3 tỷ USD cho CTR như một phần chính sách mở rộng Sáng kiến giảm mối đe dọa (ETRI) do chính quyền Tổng thống Bill Clinton đề xuất với mức chi tiêu lên tới 4,5 tỷ USD vào năm 2005. Theo Cơ quan giảm đe dọa Quốc phòng Mỹ (DTRA), tính đến tháng 2/2001, chương trình CTR đã giúp vô hiệu hóa 5.336 hạt nhân đầu đạn hạt nhân, phá bỏ 422 tên lửa đạn đạo tầm xa, loại bỏ máy bay ném bom, phá hủy 425 tên lửa hành trình phóng từ không trung (ALCM) hạt nhân tầm xa, loại bỏ 184 bộ phóng tên lửa đạn đạo đặt trên tàu ngầm (SLBM), và tháo dỡ 18 tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo hạt nhân (SSBN). Trong số những nhiệm vụ quan trọng nhất của CTR là những hoạt động liên quan đến quá trình tháo dỡ các tàu ngầm hạt nhân với con số ước tính 5-7 triệu USD đối với tàu ngầm hạt nhân. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hiệp ước START 1, cả Hoa Kỳ và LB Nga đều vẫn duy trì một chiến lược hạt nhân trong đó cho phép phát triển vũ khí hạt nhân nhằm mục đích đảm bảo an ninh và giữ vững vị thế siêu cường hạt nhân trên thế giới.

2.1.2 Hiệp ước START 2

Đàm phán về Hiệp ước START 2 bắt đầu từ tháng 6/1992, ngay sau khi diễn ra hội nghị thượng đỉnh ngắn giữa Tổng thống Mỹ George W.H.Bush và Tổng thống Nga Boris Yeltsin tại trại David. Ông George W.H.Bush đưa ra đề xuất biện pháp xử lý các loại vũ khí chiến thuật và thỏa thuận để loại bỏ tất cả các tên lửa trên đất liền với nhiều đầu đạn và công bố một số chương trình cắt giảm đơn phương của Mỹ. Một loạt các cuộc họp giữa các Ngoại trưởng Baker và Kozyrev đã diễn ra. Cuối cùng, tại cuộc họp ngày 16 và 17 tháng 6 ở Washington, Tổng thống Mỹ George W.H.Bush và Tổng thống Nga

Boris Yeltsin đã nhất trí về các văn bản cho một sự hiểu biết chung về xóa bỏ tên lửa đạn đạo xuyên lục địa (MIRV) và giảm hơn nữa vũ khí tấn công chiến lược. Với chủ trương cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược để tạo tiền đề thuận lợi cho hợp tác kinh tế-thương mại, ngày 3/1/1993, Tổng thống Mỹ George W.H.Bush và Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã ký Hiệp ước START 2, theo đó mỗi bên cắt giảm 1/3 kho vũ khí hạt nhân của mình, chỉ giữ lại 3.000 - 3.500 đầu đạn hạt nhân. Thời hạn thủ tiêu số vũ khí hạt nhân còn lại được ấn định vào trước ngày 1/1/2003. Cùng với Hiệp ước START 2, Mỹ - Nga còn ký thêm Nghị định thư về thủ tục xóa bỏ tên lửa đạn đạo xuyên lục địa và thủ tục quản trị chuyển đổi của Silo phóng tên lửa đạn đạo xuyên lục địa; Nghị định thư về triển lãm và thanh tra của máy bay ném bom hạng nặng liên quan đến Hiệp ước giữa Hoa Kỳ-LB Nga; Bản ghi nhớ về máy bay ném bom liên quan đến Hiệp ước START 2.

Tháng 1/1996, Thượng viện Mỹ đã phê chuẩn Hiệp ước START 2. Song, cản trở cho việc thực hiện hiệp ước này lại xuất phát từ Nga. Vào thời điểm hiệp ước này được ký kết, Quốc hội Nga có đa số thành viên là những người Cộng sản và những người bảo thủ đối lập. Họ là lực lượng đối lập với Tổng thống Boris Yeltsin, nhất là từ sau khi ông Yeltsin ra lệnh tấn công vào tòa nhà Quốc hội trong vụ chính biến tháng 10/1993 ở Moscow. Việc chính quyền Tổng thống Mỹ Bill Clinton quyết định mở rộng khối NATO về phía Đông, sát đến biên giới Nga càng làm cho chính giới Nga hoài nghi về chính sách hạt nhân của Tổng thống Boris Yeltsin trong quan hệ với Mỹ. Họ cho rằng, Tổng thống Yeltsin đã ký một hiệp ước bất lợi cho Nga. Vì thế, họ đã không đồng ý phê chuẩn hiệp ước này khi Tổng thống Yeltsin đệ trình Hiệp ước START 2 lên Quốc hội Nga tháng 6/1995. Năm 1997, Hoa Kỳ và LB Nga lại cam kết mở rộng khung thời gian cho việc thực hiện Hiệp ước START 2 đến ngày 31/12/2007. Nhưng trong hai năm

liên 1997-1998, Duma Quốc gia Nga vẫn hoãn phiên điều trần phê chuẩn. Những nỗ lực sau đó đã bị trì hoãn bởi chiến dịch ném bom của NATO ở Kosovo. Tháng 8/1999, Tổng thống Boris Yeltsin tiếp tục đề trình một dự luật khác về việc phê chuẩn đã bị từ chối được đưa vào chương trình nghị sự của Duma Quốc gia. Cuối cùng, ngày 14/4/2000, Duma Quốc gia Nga đã phê chuẩn Hiệp ước START 2 và cho phép Tổng thống Nga bãi bỏ điều ước quốc tế kiểm soát tất cả các vũ khí nếu phía Mỹ rút ra khỏi Hiệp ước ABM và triển khai một hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia. Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký hiệp ước này vào ngày 4/5/2000. Sau này, khi Mỹ rút khỏi Hiệp ước ABM thì Hiệp ước START 2 cũng không còn hiệu lực để thực hiện.

Trong nỗ lực tăng cường hợp tác hai quốc gia về giải trừ quân bị, hồi tháng 1/1994, khi tới thăm Moscow, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã ký với nhà lãnh đạo của Nga một văn bản khác có ý nghĩa quan trọng một cách tượng trưng: Tuyên bố chung thỏa thuận hai nước không chĩa tên lửa chiến lược vào nhau và vào các đồng minh của nhau. Ngoài ra, hai Tổng thống Mỹ và Nga còn ký Hiệp định NPT được kéo dài vô thời hạn. Phía Mỹ quan điểm là ngày càng có nhiều nước đứng trước ngưỡng cửa cường quốc hạt nhân như Ấn Độ, Brazil, CHDCND Triều Tiên, Pakistan không gia nhập Hiệp ước NPT sẽ tạo nên một sự đe dọa an ninh đối với Mỹ. Hơn nữa, nếu những nước này không tham gia Hiệp ước NPT thì việc cắt giảm vũ khí hạt nhân của Mỹ và Nga cũng không loại trừ được nguy cơ bị tấn công hạt nhân từ các nước khác. Vấn đề này được Tổng thống Bill Clinton coi là quan trọng bậc nhất trong việc thực hiện Hiệp ước NPT. Được chính thức đưa ra thảo luận tại Hội nghị về giải trừ quân bị của LHQ từ tháng 1/1994, đến ngày 10/9/1995, Đại hội đồng LHQ biểu quyết thông qua hiệp ước với 158 phiếu ủng hộ và 5 phiếu trắng. Ngày 24/9/1994, Hiệp ước CTBT được ký kết. Tổng thống Mỹ Bill Clinton là nhà lãnh đạo

đầu tiên trên thế giới ký Hiệp ước CTBT. Với thời gian không giới hạn, Hiệp ước CTBT cấm bất kỳ một vụ thử vũ khí hạt nhân hoặc bất kỳ vụ nổ hạt nhân nào. Năm 1996, Tổng thống Bill Clinton đã đưa Hiệp ước ra Thượng viện Mỹ để được phê chuẩn, nhưng bị Thượng viện bác bỏ. Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Thượng viện Mỹ Jesse Helms cho rằng, Hiệp ước CTBT sẽ làm tổn hại đến an ninh nước Mỹ. Vấn đề phê chuẩn Hiệp ước CTBT lại được đưa ra vào tháng 10/1999 nhưng vẫn bị Thượng viện Mỹ bác bỏ. Mặc dù thực tế rằng Hiệp ước CTBT không được phê chuẩn, nhưng Hoa Kỳ vẫn tiếp tục giám sát một lệnh cấm đối với vụ thử hạt nhân dưới lòng đất, bắt đầu vào năm 1992.

Năm 1997, tại hội nghị thượng đỉnh Helsinki, Tổng thống Mỹ Bill Clinton và Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã đồng ý bắt đầu các cuộc đàm phán về Hiệp ước START- 3, làm giảm kho vũ khí hạt nhân của mỗi bên xuống còn 2.000-2.500 đầu đạn hạt nhân. Các cuộc đàm phán song phương về Hiệp ước START 3 và Hiệp ước ABM đã diễn ra trong tháng 6/1999 và tiếp tục trong suốt những tháng còn lại của năm mà không có bất kỳ tiến bộ đáng kể gì. Hoa Kỳ lập luận ủng hộ một sự cân bằng giữa cắt giảm theo Hiệp ước START 3 và Hiệp ước ABM, còn LB Nga mong muốn sửa đổi Hiệp ước ABM cho phép triển khai một hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia hạn chế. Do xung đột hai bên về Hiệp ước ABM và kế hoạch NMD, Lầu Năm Góc bắt đầu xem xét Hiệp ước START 3 tùy chọn có thể cho phép triển khai hạn chế tên lửa Topol-M mới của Nga với cấu hình ba đầu đạn MIRV. Ngày 13/11/2000, Tổng thống Nga Vladimir Putin đề xuất tăng cường quá trình giải trừ quân bị, cắt giảm hơn nữa kho vũ khí hạt nhân chiến lược của Nga và Mỹ xuống còn 1.500 đầu đạn hạt nhân vào năm 2008. Đáp lại đề nghị này của Nga, Mỹ chỉ đồng ý con số cắt giảm từ 2.500 đến 2.000 đầu đạn hạt nhân. Chính sự bất đồng này đã khiến cho các cuộc

đàm phán Mỹ-Nga về Hiệp ước START 3 kéo dài trong nhiều năm mà không có kết quả.

2.2 HỢP TÁC HOA KỲ- LB NGA VỀ GIẢI TRỪ VŨ KHÍ HẠT NHÂN GIAI ĐOẠN 2002-2008

2.2.1 Những thay đổi trong chiến lược an ninh của Hoa Kỳ - LB Nga

Sự kiện 11/9/2001 vĩnh viễn đã làm thay đổi thế giới. Nó cũng tạo ra những phản ứng khác nhau trong nền chính trị toàn cầu. Mỹ đã nhận được sự ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả Nga và Trung Quốc trong việc hợp tác chống khủng bố toàn cầu. Ngày 20/9/2002, Tổng thống Mỹ mới đệ trình Quốc hội bản “Chiến lược an ninh quốc gia” thể hiện sự điều chỉnh lớn trong tư duy hoạch định chính sách đối ngoại của chính phủ đảng Cộng hòa. Học thuyết đánh đòn phủ đầu hay “tấn công phòng ngừa” từng được Tổng thống George W.Bush nêu ra trong một bài phát biểu cách thời điểm công bố chiến lược mới này khoảng hơn 3 tháng trước đó đã chính thức được đưa vào bản chiến lược an ninh quốc gia mới. Một trong những nội dung quan trọng của chiến lược mới này là Mỹ ngang nhiên tuyên bố không cho phép bất cứ cường quốc nào, bất cứ ai thách thức ưu thế quân sự tuyệt đối của Mỹ. Rõ ràng, chính sách đối ngoại - an ninh Mỹ sau sự kiện 11/9 đã chuyển từ sự cạnh tranh giữa các cường quốc sang cuộc chiến chống khủng bố. Cùng với chính sách đối ngoại cứng rắn, chính sách an ninh đánh đòn phủ đầu, Mỹ cũng có nhiều thay đổi về chính sách hạt nhân. Ngày 8/1/2002, Tổng thống George W.Bush đã đệ trình lên Quốc hội bản báo cáo “Đánh giá tư thế hạt nhân” trong đó lần đầu tiên, Mỹ xem xét lại toàn diện lực lượng hạt nhân của Mỹ từ năm 1994. Báo cáo này không chỉ cung cấp một loạt các khuyến nghị về lực lượng hạt nhân của Mỹ thích ứng với khả năng một môi trường

đang thay đổi và cung cấp sự lựa chọn cho các hệ thống vũ khí hạt nhân mới mà còn đưa ra một bộ ba mới được tạo ra bởi hệ thống tấn công hạt nhân và phi hạt nhân tấn công, hệ thống phòng thủ và vũ khí hạt nhân hồi sinh cơ sở hạ tầng. Một vấn đề khác được nêu trong báo cáo là kế hoạch giảm số lượng của hoạt động triển khai đầu đạn hạt nhân từ 6.000 đến 3.800 trong 5 năm tiếp theo như là một phần của chính sách chiến lược mới của chính quyền Bush. Cắt giảm thêm xuống mức 1.700-2.200 hoạt động triển khai đầu đạn hạt nhân chiến lược được dự kiến cho thời gian sau đó.

Trong khi đó, nhận thức rõ tính chất nghiêm trọng của chủ nghĩa khủng bố quốc tế và từng gánh chịu sức phá hoại của chủ nghĩa khủng bố quốc tế trên đất nước mình từ rất lâu trước khi xảy ra sự kiện 11/9 nên ngay từ đầu, LB Nga đã tham gia Liên minh chống khủng bố do Mỹ phát động và đứng đầu. Nga đã trở thành đồng minh tin cậy của Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Afghanistan chống lại lực lượng Taliban và mạng lưới khủng bố Al-Qaeda. Nga cũng đã bật đèn xanh cho sự có mặt của quân đội Mỹ tại một số vùng Trung Á hoặc Kazkav. Đi xa hơn nữa, Nga còn có những nhượng bộ, thỏa hiệp đáng kể đối với Mỹ trong một số vấn đề vốn bất đồng từ lâu trong quan hệ liên quan đến Hiệp ước ABM và hệ thống NMD. Bản thân Tổng thống Vladimir Putin cũng chẳng những không giấu giếm tính thực dụng trong chính sách đối ngoại của mình mà còn nhiều lần nhấn mạnh rằng hoạt động đối ngoại Nga phải dựa trên chủ nghĩa thực dụng. Căn cứ vào những nhận thức mới về mục tiêu chiến lược phát triển đất nước, địa vị của Nga trên thế giới và môi trường bên ngoài, Tổng thống Vladimir Putin đã ký sắc lệnh phê chuẩn “chiến lược an ninh quốc gia của LB Nga” trong đó đánh giá một cách thực tế bối cảnh quốc tế và xác định những vấn đề then chốt Nga cần thực hiện qua đó đưa ra quan điểm về lợi ích

quốc gia và nhận thức về mối đe dọa. Tư tưởng này lần lượt quy định mục tiêu cơ bản của ngoại giao là: bảo đảm an ninh quốc gia, phát huy ảnh hưởng đối với quá trình diễn biến của thế giới, tạo môi trường bên ngoài có lợi cho phát triển trong nước, xây dựng mối quan hệ hữu nghị với các nước xung quanh, bảo vệ lợi ích của công dân và kiều bào Nga.

2.2.2 Cải thiện trong quan hệ Hoa Kỳ - LB Nga và tranh cãi về lá chắn tên lửa

Quyết định chiến lược của Tổng thống Nga Vladimir Putin ủng hộ toàn liên minh chống khủng bố do Mỹ khởi xướng đã tác động mạnh đến cả ban lãnh đạo lẫn xã hội Mỹ. Trải qua 4 lần hội nghị thượng đỉnh, quan hệ Mỹ - Nga hầu như đã được điều chỉnh lớn. Mỹ mở rộng hợp tác kinh tế thương mại với Nga, điều chỉnh lại các khoản nợ của Nga, ủng hộ Nga gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO); hủy bỏ những hạn chế của “Đạo luật Jackson-Vanik” trong việc dành đãi ngộ tối huệ quốc cho Nga; khuyến khích các tập đoàn tư bản Mỹ đầu tư vào Nga ở các hạng mục quy mô lớn như lắp đặt đường ống dẫn dầu ở biển Caspi, Trung Á; thúc đẩy hơn nữa những hợp tác hàng không vũ trụ Mỹ-Nga... Từ việc hợp tác chung chống khủng bố, Mỹ còn cho rằng, hòn đá tảng trong quan hệ với Nga là xây dựng một cơ cấu chiến lược mới vượt khỏi cơ cấu chiến lược “rắn đe hạt nhân” và “cùng hủy diệt lẫn nhau”. Về hình thức và qua các tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng, người Mỹ và người Nga đã có hợp tác chặt chẽ trong việc cắt giảm các kho vũ khí chiến lược và cam kết thúc đẩy việc chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) trên toàn cầu. Trong cuộc gặp với Tổng thống Nga Vladimir Putin hồi tháng 11/2001, Tổng thống Mỹ George W.Bush từng thông báo Mỹ sẽ đơn

phương cắt giảm kho vũ khí hạt nhân và số đầu đạn hạt nhân chiến lược, chiến thuật sẽ giảm xuống còn khoảng 1.700-2.200 đầu đạn trong 10 năm tới. Moscow thì cam kết hạn chế sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt và các kho vũ khí hạt nhân, công nghệ hóa học, sinh học để có thể kiểm soát một cách có hiệu quả vũ khí hủy diệt, không để rơi vào tay những kẻ khủng bố. Một khía cạnh hợp tác trong quan hệ Mỹ-Nga cần được nhắc đến là việc phá dỡ các tàu ngầm mang tên lửa hành trình được chạy bằng nhiên liệu hạt nhân có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng nếu không được bảo vệ an toàn. Trong khuôn khổ thiết lập một quan hệ chiến lược mới, ngày 25/2/2002, tại thủ đô Moscow, Tổng thống Mỹ George W. Bush và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký kết Hiệp ước SORT, cho phép kho vũ khí hạt nhân được dự trữ ở mức 1.700-2.200 đầu đạn hạt nhân. Hiệp ước SORT khác Hiệp ước START ở chỗ nó giới hạn đầu đạn thực tế trong khi Hiệp ước START 1 chỉ giới hạn đầu đạn hạt nhân thông qua tuyên bố. Hiệp ước SORT có hiệu lực vào ngày 1/6/2003 và hết hạn vào ngày 31/12/2012. Hiệp ước SORT đã bị chỉ trích vì việc cắt giảm kho vũ khí không bắt buộc phải làm thường xuyên; đầu đạn không bắt buộc phải bị tiêu hủy và do đó có thể được đặt trong lưu trữ và sau đó được tái triển khai.

Tuy nhiên, trong vấn đề nhạy cảm này, giữa Mỹ và Nga còn tồn tại một số điểm bất đồng. Đó là việc Mỹ rút khỏi Hiệp ước ABM ngày 13/6/2002 và việc Mỹ triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa. Đương nhiên, Nga luôn phản đối kế hoạch phòng thủ tên lửa (NMD). Để ứng phó với những thách thức từ Mỹ, Nga cũng đã áp dụng một loạt biện pháp, một trong những biện pháp đó là khởi xướng việc xây dựng “Hệ thống phòng thủ tên lửa chiến thuật ở châu Âu” (gọi tắt là EMD). Đồng thời, Nga cũng đưa ra đề nghị với Tổng thư ký NATO về việc cùng xây dựng “Kế hoạch phòng thủ tên lửa hữu hạn”. Về mặt

phòng thủ tên lửa, EMD mà Nga chủ trương xây dựng và NMD của Mỹ là có bản chất hoàn toàn khác nhau. NMD của Mỹ âm mưu “dùng một chiếc ô bảo hộ là hệ thống phòng thủ tên lửa toàn cầu để che chắn cho châu Âu”; còn EMD của Nga lại có tính khu vực rất lớn, hơn nữa lại sử dụng hệ thống phát triển tên lửa cơ động mặt đất, chỉ phòng vệ cho hướng mà được thống nhất cho là có sự đe dọa tên lửa và cả những mục tiêu quan trọng trên lục địa Âu châu, chứ không phải trên toàn châu Âu. Đến nay, đàm phán Nga-Mỹ xung quanh vấn đề lá chắn tên lửa vẫn chưa đạt kết quả. Ngày 14/6/2002, Nga rút khỏi Hiệp ước START-2, khiến hiệp ước này dù đã được cả 2 nước phê chuẩn nhưng lại không được kích hoạt. Nguyên do của những vấn đề này xuất phát từ bất đồng trong việc xây dựng lá chắn tên lửa ở châu Âu của Mỹ. Sau hai sự kiện Mỹ rút khỏi Hiệp ước ABM và Nga rút khỏi Hiệp ước START-2, Mỹ vẫn tiếp tục theo đuổi kế hoạch NMD của mình. Tháng 8/2006 Mỹ tuyên bố rằng sẵn sàng xem xét lại Hiệp ước SALT-1 và SALT-2, thay đầu đạn hạt nhân bằng đầu đạn thông thường, nhưng loại bỏ hạn chế việc sử dụng những loại tên lửa này. Nga thì cho biết sẵn sàng khôi phục lại các lữ đoàn tên lửa tầm trung và đơn phương huỷ bỏ thoả thuận tập trận chung Nga - Mỹ.

2.3 HỢP TÁC HOA KỲ- LB NGA ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ HẠT NHÂN QUỐC TẾ

2.3.1 Hợp tác Hoa Kỳ- LB Nga với IAEA và khuôn khổ Hiệp ước NPT

Trong khuôn khổ thực hiện Hiệp ước NPT, tháng 9/1996, Hoa Kỳ-LB Nga đã phối hợp với IAEA đưa ra sáng kiến ba bên về việc xác minh vật liệu hạt nhân. Sáng kiến này được đưa ra sau 17 cuộc họp khác nhau với sự tham gia của đại diện ba bên nhằm mục đích thực

hiện các cam kết của Tổng thống Mỹ Bill Clinton và Tổng thống Nga Boris Yeltsin liên quan đến các vũ khí có nguồn gốc từ vật liệu phân hạch vũ khí để bổ sung cho các cam kết của họ về tính minh bạch và không thể đảo ngược trong vấn đề giảm vũ khí hạt nhân. Tại cuộc họp này, Mỹ - Nga và IAEA đã thành lập một nhóm xem xét các kỹ thuật khác nhau, vấn đề pháp lý và tài chính liên quan tới kiểm tra các vật liệu phân hạch. Nhóm này sẽ xác định các biện pháp có thể được áp dụng tại cơ sở lưu trữ vật liệu phân hạch của Mỹ và Nga. Các chuyên gia hạt nhân từng nhận định, sáng kiến này sẽ cung cấp một vai trò mới cho IAEA. Cụ thể là hệ thống xác minh nói trên được thiết kế để bảo đảm rằng việc thực hiện giảm kho vũ khí hạt nhân là không thể đảo ngược; kiểm tra tốc độ tháo dỡ vũ khí hạt nhân tại Hoa Kỳ và LB Nga; các quy định cho truy cập thanh tra và hiệu suất của nhiệm vụ kiểm tra sẽ được tiến hành theo thỏa thuận an ninh. Hồi tháng 9/1994, Mỹ từng nộp hai tấn plutonium và 10 tấn uranium làm giàu ở cấp độ cao (HEU) để IAEA thực hiện các biện pháp bảo vệ theo Hiệp định cung cấp các biện pháp bảo vệ tự nguyện. Phía IAEA thì lập luận, sáng kiến thúc đẩy quốc tế tin tưởng hơn vào quá trình giải trừ vũ khí hạt nhân của hai cường quốc hạt nhân này. Mỹ-Nga cũng tuyên bố sáng kiến góp phần hoàn thành các nguyên tắc và mục tiêu không phổ biến vũ khí hạt nhân và giải trừ quân bị. Cả Mỹ - Nga đều chỉ ra ý định của họ là xử lý HEU dư thừa, pha trộn nó xuống mức độ làm giàu thấp hơn 20% để có thể sử dụng trong lò phản ứng điện hạt nhân.

Ngày 26/2/2008, tại Hội nghị về giải trừ hạt nhân ở Oslo (Na Uy), Tổng Giám đốc IAEA Mohamed El Baradei một lần nữa kêu gọi Mỹ và Nga tiếp tục giảm mạnh các kho vũ khí hạt nhân của hai nước. Song song với các bước này, Mỹ và Nga còn được yêu cầu mở rộng các cuộc đối thoại trên quy mô quốc tế, bao gồm cả các quốc gia phi

hạt nhân cũng như các quốc gia hạt nhân, phát triển một hệ thống quốc tế để quản lý những rủi ro của chu trình nhiên liệu hạt nhân.

2.3.2 Hợp tác Hoa Kỳ - LB Nga về vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên

Ngày 16/10/2002, chính quyền Tổng thống Mỹ George W. Bush tiết lộ rằng CHDCND Triều Tiên đã thừa nhận có một chương trình làm giàu uranium để sử dụng vũ khí hạt nhân. Ngày 10/12/2002, CHDCND Triều Tiên tuyên bố sẽ khởi động lại sản xuất plutonium. (nhiên liệu được sử dụng trong đầu đạn hạt nhân có thể đến từ chương trình làm giàu uranium hoặc tái chế plutonium). Khi đó, các nhà phân tích quân sự nhận định, CHDCND Triều Tiên có khả năng sản xuất đầu đạn hạt nhân. Chính quyền Bình Nhưỡng cũng đã sử dụng chương trình vũ khí hạt nhân như là một phương tiện để có được các nhượng bộ kinh tế trong các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ. Năm 2003, CHDCND Triều Tiên tuyên bố rút khỏi Hiệp ước NPT và tháng 2/2005, nước này tiếp tục tiết lộ đã sở hữu vũ khí hạt nhân. Tháng 10/2006, trước những đe dọa từ phía Mỹ, Bình Nhưỡng khẳng định sẽ tiến hành một vụ thử hạt nhân để xác nhận tình trạng hạt nhân của mình. Hầu hết các quan chức tình báo Mỹ tin rằng Bắc Triều Tiên đã làm, trên thực tế, thử nghiệm một thiết bị hạt nhân do đồng vị phóng xạ được phát hiện bởi máy bay Mỹ. Nhưng phần lớn các chuyên gia cho rằng, những thử nghiệm này chỉ đạt được một phần thành công và năng suất có thể ít hơn một kiloton. Từ đó trở đi, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên trở thành đề tài nóng trong các hội nghị quốc tế. Cả Mỹ và Nga đều cố gắng thể hiện vai trò, vị trí của mình trong chương trình đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân ở bán đảo này. Trải qua nhiều thăng trầm, có những thời kỳ gia tăng căng thẳng do các hoạt động thử

nghiệm vũ khí hạt nhân của CHDCND Triều Tiên, hiện nay, cả Mỹ-Nga đều không muốn gây áp lực với CHDCND Triều Tiên trong vấn đề giải quyết tranh cãi quanh chương trình hạt nhân. Tại các cuộc đàm phán sáu bên về chương trình hạt nhân của Triều Tiên được tổ chức tại Moscow năm 2008, phái viên Nga Grigory Logvinov và đặc phái viên Sung Kim của Mỹ đã thảo luận về việc Bình Nhưỡng rút khỏi các cuộc đàm phán này. Ông Grigory Logvinov từng nói: "Chúng tôi có cùng quan điểm về cách tiếp cận - tìm kiếm các giải pháp ngoại giao mà không gây bất kỳ áp lực nào. Cách tiếp cận này nhận được sự ủng hộ của cả phe Cộng hòa và Dân chủ tại Mỹ. Điều quan trọng là tất cả các bên sẵn sàng tiếp tục đàm phán. Chúng ta cần bảo vệ những thành quả đã đạt được kể từ năm 2005 tới nay". Được biết, các cuộc đàm phán sáu bên được khởi động vào năm 2003 sau khi Bình Nhưỡng rút khỏi Hiệp ước NPT. Theo thỏa thuận năm 2007, CHDCND Triều Tiên bắt đầu đóng cửa một lò phản ứng hạt nhân và các cơ sở khác ở Yongbyon dưới sự giám sát của Mỹ. Đổi lại, Bình Nhưỡng nhận được viện trợ kinh tế cũng như các ưu đãi về ngoại giao. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán sáu bên lại rơi vào bế tắc hồi tháng 12/2008 do Mỹ yêu cầu các thanh sát viên được phép mang mẫu từ các cơ sở hạt nhân của CHDCND Triều Tiên ra nước ngoài để phân tích. Gần đây, Bình Nhưỡng tuyên bố tái khởi động việc tái chế plutonium tại Yongbyon, rút khỏi đàm phán sáu bên sau khi LHQ lên án việc nước này phóng tên lửa tầm xa. CHDCND Triều Tiên cũng nói rằng sẽ tiếp tục thử hạt nhân và phóng tên lửa để đảm bảo khả năng an ninh và quốc phòng. Và trong việc giải quyết vấn đề này, cho tới nay, hợp tác giữa Nga-Mỹ chưa đạt được thành công nào rõ rệt. Một số báo chí phương Tây thì đưa tin rằng, sở dĩ, vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên vẫn “lùng bùng” trong nhiều năm qua là do CHDCND Triều Tiên nhận được sự hậu thuẫn lớn từ Nga và Trung Quốc.

2.3.3 Hợp tác Hoa Kỳ- LB Nga về vấn đề hạt nhân ở Iran

Đối với vấn đề hạt nhân ở Iran, hợp tác Mỹ - Nga cũng chỉ được coi như là chất xúc tác chứ không mang lại nhiều kết quả cho những tranh cãi này. Thậm chí, Mỹ - Nga còn có những quan điểm trái ngược nhau trong vấn đề hạt nhân ở Iran và đôi khi xảy ra tranh cãi trên các diễn đàn quốc tế. Từ giữa năm 2008, Mỹ - Nga có những hợp tác cụ thể để giải quyết “bài toán” Iran khi Tổng thống Mỹ gửi cho người đồng nhiệm Nga một bức thư rằng, Mỹ sẽ không cản tiến xa với kế hoạch lá chắn tên lửa ở châu Âu nếu Nga góp phần thuyết phục Iran dừng “mọi nỗ lực sản xuất những đầu đạn hạt nhân và tên lửa đạn đạo”. Lúc đó, Tổng thống Nga Dmitry Medvedev đã từ chối một sự trao đổi như thế. Nhưng rồi, vì lợi ích của nước Nga, Tổng thống Dmitry Medvedev cũng không thể “làm ngơ” bởi lúc này Iran đã có những tiến bộ đáng kể trong các chương trình tên lửa và hạt nhân của mình và tiếp tục hợp tác với CHDCND Triều Tiên trong lĩnh vực tên lửa và có thể cả về hạt nhân. Dù quan hệ Nga - Iran không phải là nguyên nhân gây lo lắng, nhưng chế độ Iran hiện nay là không thể dự đoán. Hệ tư tưởng của nó căn cứ vào những học thuyết tôn giáo và chính trị của lãnh đạo tinh thần tối cao Ayatollah Khomeini, người lập nên nước Cộng hòa Hồi giáo ở Iran năm 1979. Một trong những đặc điểm của nó là ủng hộ những phong trào Hồi giáo cực đoan. Thống kê của các nhà quân sự cho hay, khoảng 20 triệu người Nga đang sống trong tầm bắn tên lửa Shahab 3 của Iran, nên chương trình hạt nhân của Tehran cũng được xem là một lời đe dọa tiềm tàng đối với Moscow. Vì thế, Kremlin đã phản đối hành động quân sự hóa chương trình hạt nhân của Iran và ủng hộ những nỗ lực của Mỹ để hạn chế chương trình tên lửa của nước này.

2.3.4. Hợp tác Hoa Kỳ - LB Nga về Sáng kiến an ninh chống phổ biến vũ khí hạt nhân (PSI)

Trong mức tiêu chuẩn pháp biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chính quyền Tổng thống Mỹ George W.Bush đã khởi xướng chương trình Sáng kiến an ninh chống pháp biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PSI) - một nỗ lực toàn cầu nhằm ngăn chặn buôn bán vũ khí hủy diệt hàng loạt, hệ thống phân phối của chúng, và các tài liệu liên quan đến và đi tới các quốc gia. Mục tiêu lâu dài của PSI là nhằm “xây dựng một mạng lưới các đối tác chống pháp biến WMD và kết thu thập tên lửa. Đích thân Tổng thống Mỹ George W.Bush đã gửi thiếu vớ sáng kiến này tới cuộc họp ở Krakow (Ba Lan) hồi tháng 5/2003 và được nhiều quốc gia ểng hệ gồm Nga, Canada, Vương quốc Anh, Australia, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản, Hà Lan, Ba Lan, Singapore, New Zealand, Hàn Quốc, Na Uy... Hơn ½ thành viên của LHQ cũng ểng hệ sáng kiến này. Đồng thời, với việc thực hiện chương trình PSI, chính quyền Tổng thống George W.Bush còn gia tăng việc thực hiện chương trình CTR. Tháng 5-2004, cơ quan an ninh quốc gia vớ hệt nhân của Mỹ thành lập chương trình Sáng kiến giảm thiểu mối đe dọa toàn cầu (Global threat reduction initiative – GTRI) và giao cho Bộ Năng lượng Mỹ trực tiếp đảm nhiệm. Mục tiêu của GTRI nhằm xác định và loại bỏ nguy cơ đe dọa của các loại nguyên liệu hệt nhân và chất phóng xạ trên toàn cầu được cho là “đe dọa tới an ninh của Mỹ và cộng đồng quốc tế. Đối tác hợp tác chính của chương trình GTRI là nước Nga. Đến cuối năm 2008, chương trình GTRI đã thu được những kết quả quan trọng: loại trừ được khỏi hệng chất uranium được làm giàu có thể chế tạo hệt 40 bom hệt nhân; đảm bảo an toàn cho hệt 750 cơ sở hệt nhân trên toàn thế giới với kho ểng 20 triệu curi chất phóng xạ có thể chế tạo hàng nghìn bom hệt; chuyển đổi hàng chục lò phản ểng hệt nhân của nhiều nước tới sở dụng chất uranium có hàm lượng cao

sang sơ dờng uranium có hàm lợợng thỏp; đợc cõa mợt sỏ lò phỏn ợng hợt nhõn nghiờn cõu chợt uranium có hàm lợợng cao ở Đợc, Pháp, Trung Quợc; kiợm soát viợc chuyờn chợ các nguyờn liợu phóng xạ mợi và nguyờn liợu đã qua sỏ dờng tợ mợt sỏ nợợc chõu Âu đợn Nga... Đợn thỏng 10/2006, Mợ và Nga lợi đợng chợ trờ mợt cuợc hợp cõa các quợc gia đợi tỏc cõa Sỏng kiợn toỏn cõu chợng khợng bợ hợt nhõn (GICNT) tợi Rabat, Morocco. Cõu trức cõa Sỏng kiợn là mợt khuờn khợ linh hoợt "đợ ngỏn chợn, phỏt hiợn và đỏp ợng vợi mợi đe đợa khợng bợ hợt nhõn. Đây là nợ lợc hợp tỏc lợn giợa Mợ-Nga nhợm ngỏn chợn vũ khớ hợt nhõn lợt vỏo tay các lợc lợợng khợng bợ.

2.4 TIỂU KẾT

việc hợp tỏc trong giỏi trừ vũ khớ hạt nhõn giợa Mỹ - Nga vổn đợc xỏy dựng cơ bản dựa trờ nguyờn tỏc rỏn đe, phỏng thủ và kiờm chợ lỏn nhõu. Trong suổt 8 năm cầm quỳn của Tỏng thỏng George W.Bush, Mỹ - Nga đã có nhợng tranh cỏi nỏy lờa xung quỏnh vổn đề hệ thỏng phỏng thủ tẻn lờa của Mỹ ở chõu Âu. Vớ sự khỏng khỏng của Mỹ trong việc thực hiẻn kẻ hoỏch nỏy, Nga đã lỏy chiẻu bài hoỏn việc ký kết Hiẻp ợc START 3 để gỏy sức ếp. Do vậy mà khoảng cỏch trong quan hệ giợa hai nước có nhợng thời gian bị giỏn rộng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quá trờnh hợp tỏc giỏi trừ vũ khớ hạt nhõn giợa hai nước cũng nhừ trờn toỏn thợ giới. Đây là mợt trong nhợng lý do khiến sự hợp tỏc của Mỹ - Nga trong các vổn đề hạt nhõn quốc tẻ vổn cờn nhợng sự khỏng đờng thuỏn, tỏc đợng xỏu đến tiẻn trờnh phi hạt nhõn hỏa trờn toỏn thợ giới.

CHƯƠNG 3: TRIỂN VỌNG CỦA HỢP TÁC HOA KỲ- LB NGA VỀ GIẢI TRỪ VŨ KHÍ HẠT NHÂN

3.1 CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN TỔNG THỐNG HOA KỲ BARACK OBAMA VÀ HỌC THUYẾT QUÂN SỰ MỚI CỦA LB NGA

3.1.1 Chính sách của chính quyền Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama

Với di sản để lại từ chính sách của người tiền nhiệm George W.Bush, Tổng thống Mỹ Barack Obama vừa có thuận lợi nhưng cũng phải đối mặt với nhiều thách thức. Trong tình cảnh khó khăn chồng chất như vậy, để đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược cũng như khôi phục, củng cố hình ảnh của nước Mỹ trên toàn cầu và xa hơn là hy vọng để lại dấu ấn cá nhân trong lịch sử nước Mỹ, Tổng thống Barack Obama và đội ngũ cố vấn chính sách đối ngoại Mỹ đã lựa chọn áp dụng giải pháp tiếp cận ngoại giao mới theo tư tưởng “quyền lực thông minh”. Nhìn chung, chính sách đối ngoại này vẫn kế thừa các giá trị cốt lõi mà 43 đời Tổng thống Mỹ trước đây đã theo đuổi, đó là đấu tranh để Mỹ nắm giữ vị trí “lãnh đạo thế giới”, cái khác ở đây chỉ là biện pháp thực hiện.

Từ những thay đổi trong chính sách ngoại giao, đến ngày 20/5/2010, chính quyền Tổng thống Mỹ Barack Obama tiếp tục cho công bố Chiến lược an ninh quốc gia mới (CLAN 2010). So với nội dung hai bản Chiến lược an ninh quốc gia được Tổng thống George W.Bush đưa ra trong thời gian cầm quyền, người ta có thể dễ dàng nhận ra dấu ấn mà Tổng thống Barack Obama để lại trong bản Chiến lược an ninh quốc gia đầu tiên của mình. Điểm đầu tiên trong bản chiến lược an ninh quốc gia dài 52 trang, ông Barack Obama đã quyết định đoạn tuyệt với học thuyết “đánh đòn phủ đầu” của ông George

W.Bush; đoạn tuyệt với cách tiếp cận quân sự đơn phương; bỏ khái niệm “cuộc chiến chống khủng bố” mặc dù vẫn coi Al-Qaeda là đối thủ chủ yếu của Mỹ. Một điểm đáng chú ý nữa là Washington xác nhận an ninh quốc gia đang bị đe dọa từ ngay trong lòng nước Mỹ. Lần đầu tiên, kẻ thù “từ bên trong”, tức những kẻ khủng bố người Mỹ, sống trên đất Mỹ, được coi như là mối đe dọa nghiêm túc. Tuyên bố rằng Mỹ không thể hành động một mình trên thế giới, Tổng thống Barack Obama cam kết sẽ hình thành một trật tự quốc tế mới, thừa nhận một cách chính thức về một trật tự thế giới mới đa cực đang hình thành. Tất nhiên, Mỹ không từ bỏ tham vọng lãnh đạo thế giới trong trật tự mới này. Đặc biệt, chính quyền Tổng thống Barack Obama cam kết theo đuổi kiểm soát vũ khí hơn nữa với Nga. Ngoài Hiệp ước START 3 mà Barack Obama đã ký với người đồng cấp Dmitry Medvedev tại Prague (CH Czech) vào ngày 8/4/2010, hai bên còn thỏa thuận sẽ giới hạn số đầu đạn hạt nhân của mỗi bên trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu là 1.700-2.200 đơn vị. Mỹ cũng tuyên bố sẽ tăng cường các nỗ lực để giảm vai trò của vũ khí hạt nhân trong chiến lược an ninh quốc gia; không tiến hành thêm bất kỳ vụ thử hạt nhân mới nào và tìm cách để Quốc hội Mỹ phê chuẩn Hiệp ước CTBT đồng thời tìm cách mở rộng “chiếc ô” hạt nhân đối với các đồng minh thông qua NMD.

3.1.2 Học thuyết quân sự mới của Nga

Sau cuộc bầu cử Tổng thống Nga năm 2008, ông Dmitry Medvedev thay ông Vladimir Putin làm người đứng đầu đất nước. Ngay sau khi đắc cử, Tổng thống Dmitry Medvedev đã tuyên bố tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại của người tiền nhiệm. Sau cuộc xung đột quân sự với quốc gia láng giềng Gruzia, chính quyền Moscow đã đưa ra 5 nguyên tắc đối ngoại mới để khẳng định vị thế cường quốc của nước Nga, quyết tâm bảo vệ ảnh hưởng khu vực “sân sau”, chống lại thế lực có ý đồ giành quyền lực và lợi ích của nước Nga. Trong

thông điệp liên bang năm 2009, Tổng thống Dmitry Medvedev khẳng định niềm tin sâu sắc về khả năng đưa nước Nga đến vị thế cường quốc thế giới trên nền tảng nguyên tắc mới. Chiến lược an ninh quốc gia LB Nga cũng xác định đảm bảo Nga phát triển bền vững, là một quốc gia có khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ cao, có tiềm lực quốc phòng hiện đại và mức sống xứng đáng của người dân. Mục tiêu chính của Nga là ngăn ngừa một cuộc xung đột hạt nhân và các cuộc xung đột quân sự khác. Nga bảo lưu quyền sử dụng vũ khí hạt nhân để đối phó với một cuộc tấn công chống lại Nga hoặc các đồng minh bằng vũ khí hạt nhân hay vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc vũ khí thông thường. Theo đó, Nga có quyền thực hiện những qui chế dành cho một cường quốc hạt nhân. Tức là Nga có thể thực hiện những hành động ngăn chặn, kiểm chế hạt nhân từ những lực lượng mà Moscow gọi là “kẻ địch tiềm tàng” muốn tiến hành xâm lược Nga và các đồng minh. Nga cũng khẳng định, không sử dụng vũ khí hạt nhân chống lại những quốc gia tham gia thỏa thuận không phổ biến vũ khí hạt nhân và những quốc gia không sở hữu vũ khí hạt nhân, trừ khi các nước này tấn công vào LB Nga. Quyết định sử dụng vũ khí hạt nhân sẽ do Tổng thống LB Nga đưa ra.

3.2 TRIỂN VỌNG HỢP TÁC HOA KỲ - LB NGA TRONG VẤN ĐỀ GIẢI TRỪ VŨ KHÍ HẠT NHÂN

3.2.1 Ký kết START mới – bước tiến quan trọng trong hợp tác giải trừ vũ khí hạt nhân giữa hai nước

Trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống George W.Bush, chủ nghĩa đơn phương của Mỹ đã làm cho quan hệ Mỹ-Nga nguội lạnh, ảnh hưởng tới không chỉ lợi ích của Mỹ, Nga, mà ở một mức độ nhất định còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh khu vực châu Âu và thế giới. Vì thế, ngay sau khi Tổng thống Mỹ Barack Obama lên nắm quyền, quan hệ hai nước đã được điều chỉnh theo xu hướng tăng cường

hợp tác, đối thoại nhằm giải quyết các thách thức, bất đồng giữa hai nước và các vấn đề trên toàn cầu. Tại hội nghị an ninh quốc tế lần thứ 45 ở Đức tháng 2/2009, Phó Tổng thống Mỹ Joe Biden đã phát “thông điệp” về việc Mỹ cần hợp tác với Nga. Tiếp đó, trong cuộc gặp bên lề hội nghị giải trừ quân bị tại Thụy Sĩ tháng 3/2009, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã trao cho Ngoại trưởng Nga Sergei Lavrov một “nút bấm” màu đỏ, tượng trưng cho mong muốn tái khởi động quan hệ song phương với Nga. Và chuyến thăm Moscow của Tổng thống Barack Obama đã phần nào “khởi động lại” quan hệ Mỹ-Nga. Mục tiêu mà chính quyền Obama đặt ra cho chuyến thăm là lôi kéo, tranh thủ sự ủng hộ, thỏa hiệp của Nga trong giải quyết các vấn đề quốc tế có lợi cho Mỹ thông qua một số thỏa thuận nhượng bộ Nga; thiết lập nền tảng mới cho việc khôi phục các chương trình hợp tác cùng có lợi, trọng tâm là các vấn đề giảm và kiểm soát vũ khí hạt nhân chiến lược, hợp tác an ninh-quốc phòng, mở rộng quan hệ kinh tế-thương mại-dầu tư. Ngược lại, Nga cũng có nhu cầu “khởi động lại” quan hệ với Mỹ nhằm khắc phục những khó khăn về kinh tế do cuộc khủng hoảng tài chính gây ra, đồng thời tranh thủ lúc Mỹ khó khăn để buộc Mỹ phải nhượng bộ một số vấn đề, chấp nhận vai trò và vị thế cường quốc nhất định của Nga trên trường quốc tế. Điểm “đột phá” góp phần cải thiện quan hệ hai bên trong năm 2009 là việc Mỹ tuyên bố từ bỏ kế hoạch xây dựng NMD ở Đông Âu. Hành động này được Nga và cộng đồng quốc tế hoan nghênh, phù hợp với lợi ích chung của Mỹ và Nga. Ngoại trưởng Nga Sergei Lavrov cho rằng, việc Mỹ từ bỏ kế hoạch NMD ở Đông Âu được coi như một hành động xoa dịu Nga sau một thời gian dài căng thẳng, giúp Mỹ tiến xa hơn trong quan hệ với Nga ở một số vấn đề quan trọng.

Nhờ giảm bớt được bất đồng, hai bên đã có được “nhận thức chung” trong việc cắt giảm vũ khí chiến lược toàn cầu, mở đường cho

việc ký kết Hiệp ước START 3. Cả hai đã nhanh chóng đạt được một số thỏa thuận ban đầu về Hiệp ước START, trong đó xác định hai bên cùng nhau nghiên cứu thảo luận về Hiệp ước START 3 thay thế Hiệp ước START 1 hết hạn vào ngày 5/12/2009. Trong chuyến thăm chính thức Nga lần đầu tiên của Tổng thống Mỹ Barack Obama từ ngày 6 đến ngày 8/7/2009 theo lời mời của Tổng thống Nga Dmitry Medvedev, lãnh đạo hai nước đã ký văn kiện “Nhận thức chung về vấn đề tiếp tục cắt giảm và hạn chế vũ khí tiến công chiến lược” làm cơ sở để Nga và Mỹ ký Hiệp ước START 3; thông qua “Tuyên bố chung về Afghanistan”, trong đó Nga đồng ý cho phép Mỹ thực hiện 4.500 chuyến bay chuyên chở binh sĩ và vũ khí quá cảnh qua không phận Nga để chi viện cho chiến trường Afghanistan. Dự luận quốc tế cho rằng, việc đạt được thỏa thuận cắt giảm vũ khí chiến lược xuất phát từ nhu cầu của cả hai bên vì hai bên cùng có những loại vũ khí đã gần hết hạn sử dụng, cần phải phá hủy hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí bảo dưỡng, tập trung cho phát triển các loại vũ khí mới. Thêm vào đó, hai bên đều muốn thể hiện cho thế giới thấy “thiện chí” giải trừ vũ khí trang bị của họ nhằm thúc đẩy các chương trình ngăn chặn phổ biến vũ khí giết người hàng loạt. Theo các văn kiện được ký kết, Nga và Mỹ thỏa thuận tiếp tục cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược và trong thời gian tới sẽ có hiệp ước mới mang tính ràng buộc pháp lý.

Trái qua 8 vòng đàm phán, ngày 8/4/2010, tại thủ đô Prague của CH Czech, Tổng thống Nga Dmitry Medvedev và Tổng thống Mỹ Barack Obama đã ký Hiệp ước START mới. Hai bên cam kết sẽ giảm và hạn chế số đầu đạn hạt nhân của mỗi nước xuống còn 1.550 trong vòng 7 năm tới. Hiện nay Mỹ được cho là đã triển khai 2.200 đầu đạn, con số của Nga là khoảng 2.600 đến 2.700. Theo quy định mới, mỗi nước chỉ được phép triển khai không quá 700 tên lửa đạn đạo hoặc

máy bay ném bom chiến lược có thể mang đầu đạn hạt nhân. Theo hiệp ước START 3, mỗi máy bay ném bom hạng nặng được tính là một đầu đạn hạt nhân, cho dù nó có khả năng mang nhiều tên lửa và đầu đạn. Chẳng hạn, một máy bay B-52 của Mỹ có thể mang tới 20 đầu đạn hạt nhân. Thêm nữa, hiệp ước chỉ quy định cắt giảm các đầu đạn đã triển khai chứ không tính tới hỏa lực cất trữ trong kho. Về mặt lý thuyết, các đầu đạn đã triển khai có thể được đưa vào kho rồi tái triển khai khi cần. Như vậy, trên thực tế mỗi nước vẫn có thể triển khai nhiều đầu đạn hơn con số 1.550 đơn vị. Cơ chế kiểm tra xác minh và bàn bạc sẽ được cả hai cùng thiết lập. Hiệp ước START mới không quy định rõ ràng đối với số lượng và việc hủy bỏ đầu đạn hạt nhân chiến lược ngoài “triển khai” đối với hai bên, không đề cập tới những vũ khí hạt nhân phi chiến lược và lập trường hai bên không thống nhất trong việc Mỹ bố trí hệ thống phòng thủ tên lửa ở Đông Âu.

Việc Nga và Mỹ, hai cường quốc sở hữu hơn 90% số vũ khí hạt nhân của thế giới đã gạt bỏ được mọi bất đồng và đạt được thỏa thuận về Hiệp ước START mới đã chấp cánh cho ước mơ cháy bỏng của nhân loại được sống trong một thế giới mà ở đó không còn có sự hiện diện của loại vũ khí giết người hàng loạt. Những lo ngại START 3 có thể “chết yểu” đã được giải tỏa sau khi ngày 22/12/2010 Thượng viện Mỹ đã bỏ phiếu thông qua với 71 phiếu thuận và 26 phiếu chống. Duma quốc gia và Hội đồng liên bang Nga cũng đã hoàn tất việc thông qua Hiệp ước START 3 vào tháng 1/2011. Hiệp ước START 3 bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 5/2/2011, khi Ngoại trưởng hai nước chính thức trao đổi văn kiện phê chuẩn. Theo văn kiện này, 45 ngày sau đó phải thực hiện đợt đầu tiên trao đổi thông tin. Ngày 20/3/2011, Trung tâm Hoa Kỳ về giảm nguy cơ hạt nhân đã chuyển cho phía Nga tài liệu về tình trạng của lực lượng hạt nhân chiến lược Mỹ. Hai ngày sau, Trung

tâm Nga về giảm nguy cơ hạt nhân đã cung cấp cho các đối tác Mỹ thông tin về lực lượng hạt nhân chiến lược của Nga.

7 năm sau khi Hiệp ước START mới được ký, Mỹ sẽ duy trì khoảng 800 vật phóng và Nga sẽ có ít nhất 600 phương tiện phóng. Về tên lửa chiến lược thì hai bên sẽ duy trì số lượng ngang nhau. Ngoài ra, với việc hạn chế nghiêm ngặt vũ khí chiến lược của Nga và Mỹ, các lực lượng hạt nhân của một số nước như Pháp, Anh, Trung Quốc, Pakistan và Ấn Độ sẽ trở thành tâm điểm chú ý. Vai trò hạt nhân của những nước này sẽ gia tăng đáng kể. Số phương tiện phóng tên lửa đạn đạo chiến lược hiện có ở các cường quốc hạt nhân như sau: Trung Quốc - dưới 100 đơn vị, Pháp có gần 300 đơn vị và Anh có dưới 200 đơn vị.

3.2.2 Triển vọng trong hợp tác liên quan tới cơ chế kiểm soát hạt nhân trên thế giới

Quyết tâm của Washington và Moskva cắt giảm mạnh mẽ kho vũ khí tấn công chiến lược của mỗi nước đã nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của cộng đồng quốc tế. Dẫu biết rằng đây mới chỉ là sự khởi đầu trên con đường dài đầy chông gai phía trước, nhưng nếu hai cường quốc hạt nhân này gạt bỏ được mọi bất đồng để cùng hướng tới một thế giới không có vũ khí hạt nhân thì chắc chắn sẽ có nhiều nước noi gương và Hiệp ước START mới có thể sẽ là xuất phát điểm trên con đường dẫn đến tương lai một thế giới phi hạt nhân. Nhiều nhà phân tích nhận định, cả Nga lẫn Mỹ đều hiểu rằng, họ cần phải đi đầu trong việc cắt giảm kho vũ khí hạt nhân của mỗi nước, bởi thế, trong quá trình đàm phán, cả hai đã chịu nhượng bộ yêu cầu của mình để ký kết START mới vì nó có lợi cho cả hai bên. Nếu hai cường quốc hạt nhân này không làm gương trong việc cắt giảm vũ khí hạt nhân, thì không hy vọng các quốc gia khác giải trừ quân bị và tiến đến một thế giới không có vũ khí hạt nhân trong tương lai.

Tuy nhiên, con đường đi đến một thế giới không vũ khí hạt nhân còn đầy gặp ghềnh, trắc trở. Không thể phủ nhận rằng, cộng đồng quốc tế đã có những nỗ lực không nhỏ để hướng đến một thế giới phi hạt nhân trong suốt nửa thế kỷ qua, nhưng cuộc chạy đua hạt nhân vẫn đang diễn ra hết sức quyết liệt. Nói đúng hơn, thực tế là tổng vũ khí hạt nhân đã được giảm một cách căn bản, song số quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân lại có xu hướng tăng lên. Hiện nay, ngoài Nga và Mỹ, còn một số quốc gia khác sở hữu vũ khí hạt nhân, đó là: Anh, Pháp, Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan... Nhưng số các quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân chưa có dấu hiệu dừng lại. Nếu cộng đồng quốc tế không có các biện pháp cấp bách thì số nước sở hữu vũ khí hạt nhân có thể lên tới 25 quốc gia. Đó là nghịch lý và mâu thuẫn xuyên thế kỷ. Sở dĩ còn tồn tại nghịch lý đó là vì, không ít quốc gia vẫn còn tham vọng coi vũ khí hạt nhân là loại vũ khí để tranh tài cao thấp nhằm khẳng định vị thế sức mạnh quân sự-chính trị của mình. Cũng có quốc gia hoặc xem vũ khí hạt nhân như là một loại vaccine đặc hiệu để phòng virus chiến tranh, hoặc xem nó như là con ngáo ộp để mang ra răn đe, mặc cả với các quốc gia phi hạt nhân... Chưa hết, nguyên nhân của vấn đề trên còn nằm ở ngay mâu thuẫn ứng xử trong cuộc chiến chống phổ biến vũ khí hạt nhân. Chúng ta đều biết, một số điều trong Hiệp ước NPT ra đời năm 1968 còn chứa đựng mâu thuẫn. Ví dụ, Hiệp ước này quy định các quốc gia phát triển vũ khí hạt nhân trước năm 1968 được phép sở hữu vũ khí hạt nhân, còn những nước không nằm trong nhóm đó thì bị cấm (và buộc phải làm theo những chỉ dẫn nhất định về phát triển năng lượng hạt nhân). Đó là quy định không thuyết phục. Nguyên nhân của việc phổ biến vũ khí hạt nhân còn thể hiện ở chỗ, chính sự sở hữu vũ khí hạt nhân của các quốc gia láng giềng, vô hình trung lại tạo ra sự uy hiếp, cũng như lại trở thành động lực (hoặc cái cớ) để một quốc gia nào đó phát triển chương trình hạt nhân.

Một khi Nga và Mỹ bước vào thời kỳ quan hệ mới trên nền tảng của sự tin cậy lẫn nhau được tăng cường thì thực tế đó tác động tích cực tới cả mối quan hệ giữa NATO và Nga, tới chiến lược chung của NATO và tới việc giải quyết mọi khía cạnh liên quan đến chương trình hạt nhân của đối tác này hay đối tác khác trên thế giới. Thế giới chưa thể sớm hoàn toàn không còn vũ khí hạt nhân, nhưng khi Nga và Mỹ cùng nhau giảm bớt vũ khí hạt nhân thì họ cũng sẽ cùng nhau không để quốc gia khác tăng cường tiềm lực vũ khí hạt nhân. Thỏa thuận này thực sự đã mở ra một chương mới trong lịch sử vũ khí hạt nhân, đây cũng là văn bản cắt giảm vũ khí hạt nhân quan trọng đầu tiên sau Chiến tranh lạnh, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong tiến trình kiểm soát vũ khí hủy diệt trên thế giới. Bằng chứng là chỉ một tuần sau khi Hiệp ước START mới được ký kết, các nguyên thủ và quan chức cấp cao của 47 quốc gia cùng đại diện của các tổ chức quốc tế có liên quan đã tập trung ở Washington tổ chức Hội nghị cấp cao về an ninh hạt nhân. Hội nghị đã thông qua tuyên bố chung và chương trình hành động, nêu rõ: “khủng bố hạt nhân là một trong những mối đe dọa mang tính thách thức nhất đối với an ninh quốc tế, các biện pháp an ninh hạt nhân có sức nặng là con đường có hiệu quả nhất để ngăn chặn các phần tử khủng bố, những kẻ tội phạm và các bên không được giao quyền khác có được nguyên liệu hạt nhân”.

3.3 Quan điểm của Việt Nam về giải trừ vũ khí hạt nhân và quan hệ với Hoa Kỳ- LB Nga trong vấn đề này

Chính sách nhất quán của Việt Nam là coi việc bảo đảm an ninh, an toàn hạt nhân là ưu tiên hàng đầu trong quá trình sử dụng năng lượng hạt nhân, là trách nhiệm của từng quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Trên tinh thần đó, Việt Nam đã tích cực, chủ động xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý, hệ thống cơ quan quản lý về kiểm

soát, bảo đảm an toàn, an ninh đối với việc sử dụng vật liệu hạt nhân và chất phóng xạ. Đồng thời, Việt Nam tham gia nhiều điều ước quốc tế quan trọng liên quan trong lĩnh vực này. Những thành tựu và nỗ lực đóng góp của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá là một quốc gia phát triển sử dụng năng lượng hạt nhân có trách nhiệm.

Tại Hội nghị cấp cao về an ninh hạt nhân tổ chức tại Mỹ hồi tháng 4/2010, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng là một trong số ít các nguyên thủ quốc gia được mời phát biểu đầu tiên trong phiên họp toàn thể thứ nhất. Quan điểm mà Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đưa ra là để đảm bảo an ninh hạt nhân, các hoạt động hợp tác quốc tế cần được tham vấn và đạt được sự đồng thuận rộng rãi của các đối tác; cần tính đến đặc thù về điều kiện kinh tế - xã hội và mức độ ứng dụng năng lượng hạt nhân của mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển. Thêm vào đó là việc củng cố vị trí trung tâm của LHQ và phát huy vai trò quan trọng của IAEA trong việc thúc đẩy phát triển ứng dụng và bảo đảm an toàn và an ninh hạt nhân, cũng như sự hỗ trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực, các nhà công nghiệp, các tổ chức phi chính phủ đối với các quốc gia đang phát triển. Tăng cường sự hỗ trợ của IAEA đối với các nước đang phát triển trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng an toàn, an ninh hạt nhân, nâng cao năng lực kiểm soát hạt nhân, đồng thời quan tâm tăng cường nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để cơ quan này hoạt động hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực thuộc chức năng của mình. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định, Việt Nam hoan nghênh việc ký Hiệp ước về cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược mới đây giữa Nga và Mỹ. Sự kiện này là một bước tiến quan trọng trong những nỗ lực chung hướng tới một thế giới không có vũ khí hạt nhân.

Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết khi tham dự phiên họp thượng đỉnh của Hội đồng Bảo an LHQ với chủ đề “Không phổ biến vũ khí hạt nhân và giải trừ vũ khí hạt nhân” hồi tháng 9/2010 cũng nhấn mạnh, giải trừ quân bị hạt nhân và ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, tiến tới loại bỏ vũ khí hạt nhân là yêu cầu cấp thiết, là nguyện vọng chính đáng của nhân loại. Các nước có vũ khí hạt nhân, các liên minh quân sự và các nước có tiềm lực quân sự lớn có trách nhiệm hàng đầu trong vấn đề này. Việt Nam chia sẻ mong muốn chung của cộng đồng quốc tế là các cuộc thương lượng song phương, đa phương, các kế hoạch đơn phương sớm đưa đến cắt giảm mạnh các kho vũ khí hạt nhân, đảm bảo an ninh cho những nước không có vũ khí hạt nhân chống lại việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng loại vũ khí này. Việt Nam đề nghị sớm khởi động đàm phán thỏa thuận quốc tế về giải trừ quân bị hạt nhân, các nước có kho vũ khí hạt nhân lớn nhất phải đi đầu về giải trừ vũ khí hạt nhân và đó là việc làm cấp bách vì hòa bình thế giới. Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết còn đề nghị phải nhanh chóng nâng cao hiệu quả của Hiệp ước NPT trong đó có việc phát huy thẩm quyền của IAEA. Các thỏa thuận về khu vực phi vũ khí hạt nhân phản ánh nguyện vọng và cũng là quyền của các quốc gia về giảm rủi ro chiến tranh hạt nhân, đồng thời đóng góp thiết thực vào việc chống phổ biến vũ khí hạt nhân.

Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế liên quan đến giải trừ quân bị trong đó có vũ khí hủy diệt hàng loạt như: Nghị định thư Geneva 1925 (Nghị định thư về việc cấm sử dụng trong chiến tranh các chất làm ngạt, chất độc hoặc các loại khí khác và phương pháp chiến tranh vi trùng, Việt Nam tham gia tháng 12/1980); Hiệp ước NPT (Việt Nam tham gia tháng 6/1982); Công ước năm 1972 về cấm vũ khí sinh học-BWC (Việt Nam tham gia tháng 6/1980); Công ước 1980 về cấm một số vũ

khí thông thường gây sát thương quá mức-CW (Việt Nam ký năm 1980, đang xem xét việc phê chuẩn); Công ước năm 1992 về cấm vũ khí hóa học-CWC (Việt Nam tham gia tháng 8/1998); Hiệp ước năm 1995 về phi vũ khí hạt nhân khu vực Đông Nam Á-SEANWFZ (Việt Nam tham gia tháng 11/1996); Hiệp ước CTBT (Việt Nam ký tháng 9/1996, Chủ tịch nước đã ký quyết định phê chuẩn ngày 23/2/2006); Hiệp định bảo đảm an toàn hạt nhân với IAEA (Việt Nam ký 9/1989, đến tháng 3/1990 Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam); Nghị định thư bổ sung Hiệp định bảo đảm hạt nhân... Hiện Việt Nam là thành viên của Hội nghị giải trừ quân bị có trụ sở tại Geneva, Thụy Sĩ. Năm 2010, Việt Nam còn quyết định tham gia Công ước an toàn hạt nhân và ủng hộ Sáng kiến toàn cầu chống khủng bố hạt nhân. Với tư cách là Chủ tịch ASEAN trong năm 2010, Việt Nam tích cực đóng góp vào việc xây dựng một khu vực Đông Nam Á phát triển phồn thịnh và không có vũ khí hạt nhân.

3.4 TIỂU KẾT

Dư luận thế giới và khu vực đều hoan nghênh việc Mỹ và Nga ký START mới. Tổng thư ký LHQ Ban Ki-moon cho rằng, đây là cột mốc quan trọng trong nỗ lực của cộng đồng quốc tế nhằm thúc đẩy việc giải trừ vũ khí hạt nhân và xây dựng một thế giới phi hạt nhân, góp phần quan trọng trong việc tạo bầu không khí tích cực cho các hội nghị hạt nhân sau này. Tổng Giám đốc IAEA Yukiya Amano nhận định, điều này sẽ tác động mạnh mẽ đến nỗ lực phi hạt nhân hóa trên toàn thế giới. Điều đáng nói là việc Nga-Mỹ ký Hiệp ước START mới có ý nghĩa quan trọng không chỉ riêng đối với hai nước mà còn với cả nền an ninh chính trị thế giới nói chung. Hiệp ước này đã mở ra giai đoạn phát triển mới trong quan hệ Nga-Mỹ, tạo điều kiện thuận lợi để hai nước tập trung tài lực nhằm phục hồi kinh tế, cải cách và hiện đại hóa quân đội, tăng cường quan hệ song phương cũng như giải quyết

các vấn đề khu vực và toàn cầu. Ngoài ra, Hiệp ước sẽ mở đường cho việc lôi kéo các nước có vũ khí hạt nhân khác tham gia vào tiến trình giải trừ quân bị cũng như củng cố cơ chế không phổ biến vũ khí hạt nhân và các phương tiện mang vũ khí hạt nhân, góp phần duy trì cân bằng lực lượng và ổn định chiến lược trên thế giới.

Chưa hết, việc ký kết Hiệp ước START mới trong bối cảnh hiện nay còn chứng tỏ rằng, những người đứng đầu Điện Kremlin và Nhà Trắng đang cố gắng tạo ra nền tảng mới cho mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương, giúp hai nước bắt tay vào việc tổ chức các cuộc hội đàm đa phương về cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược trên phạm vi toàn cầu. Nhìn ở một góc độ khác, trong trường hợp chưa có các cuộc hội đàm như thế, thì sau khi Hiệp ước START mới có hiệu lực, tự nó cũng trở thành áp lực không nhỏ lên tham vọng của một số nước muốn sở hữu vũ khí hoặc muốn trở thành cường quốc hạt nhân.

KẾT LUẬN

1.1 Sự ra đời của vũ khí hạt nhân có ảnh hưởng mạnh tới đời sống, an ninh, chính trị và vị thế của các quốc gia trên trường quốc tế. Vì vậy, việc kiểm soát vũ khí hạt nhân và giải trừ quân bị là vấn đề quan trọng và có tác động đến mọi quốc gia dù lớn hay nhỏ, dù mạnh hay yếu. Nhiều năm qua, cơ chế kiểm soát vũ trang quốc tế đã phát huy vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn chạy đua vũ trang, thúc đẩy giải trừ quân bị và duy trì hòa bình: Một là làm cho số lượng đầu đạn hạt nhân giữa Mỹ và Nga giảm mạnh, từ 69.401 đơn vị trong thời kỳ Chiến tranh lạnh giảm còn 26.000 đơn vị (năm 2006). Hai là làm cho những nước có vũ khí hạt nhân trên thế giới ít đi nhiều so với dự đoán. Ba là cấm các loại vũ khí sinh học, hóa học, và mìn, giảm bớt mối đe dọa chiến tranh và làm hại dân thường. Bốn là đưa các hiệp ước kiểm soát vũ trang quốc tế như Hiệp ước NPT, Hiệp ước CTBT, Hiệp ước START... vào thực thi. Năm là xây dựng biện pháp tin cậy lẫn nhau về

kiểm soát vũ trang, tăng thêm độ công khai và tính có thể dự đoán trong các hoạt động quân sự, tăng cường hợp tác quốc tế.

1.2 Hợp tác Hoa Kỳ-LB Nga trong quá trình giải trừ vũ khí hạt nhân là một phương cách giúp chính quyền Washington và Moskva kiềm chế sức mạnh quân sự của nhau, bảo vệ ưu thế hạt nhân của mình. Sự hợp tác này cũng là hình thức để răn đe các nước khác nhỏ, yếu hơn trên thế giới. Nhưng trên hết, việc Hoa Kỳ- LB Nga hợp tác về giải trừ vũ khí hạt nhân có ý nghĩa quan trọng trên trường quốc tế, thúc đẩy nhanh hơn quá trình phi hạt nhân hóa trên thế giới, củng cố nền hòa bình an ninh trên Trái đất. Hiện nay, thế giới đã xây dựng được 5 khu vực không có vũ khí hạt nhân bao gồm 113 nước nằm ở Mỹ Latinh, Địa Trung Hải, Nam Thái Bình Dương, Đông Nam Á, châu Phi và Trung Á. Khu vực phi hạt nhân cũng đã được thiết lập tại những nơi không có người ở như ở Nam Cực, ngoài không gian và dưới đáy đại dương. Ngoài ra, một số nước vẫn đang nỗ lực xây dựng những khu vực mới không có vũ khí hạt nhân. Tháng 11/2011, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN được tổ chức ở Bali (Indonesia), các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã nhất trí với đề xuất thành lập một khu vực Đông Nam Á phi vũ khí hạt nhân (SEANWFZ).

1.3 Mặc dù cố gắng thể hiện tinh thần hợp tác và cải thiện quan hệ, song hợp tác Hoa Kỳ-LB Nga trong lĩnh vực này vẫn thiếu tin cậy đối với nhau và khác biệt về quan điểm. Kể từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, Hiệp ước START mới được coi là văn kiện đầu tiên đảm bảo sự cân bằng toàn diện về vũ khí tấn công chiến lược giữa Mỹ và Nga. Để đạt được thành công trong việc ký kết START 3, Nga-Mỹ đã phải đưa ra một số nhượng bộ nhất định (các biện pháp giám sát kiểm tra, sự liên kết giữa vũ khí tấn công và vũ khí phòng thủ, kế hoạch triển khai NMD của Mỹ tại châu Âu...). Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Hiệp ước này sẽ còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là do Hiệp ước

START mới mới chỉ quy định số lượng đầu đạn hạt nhân và phương tiện mang vũ khí cần giảm chứ chưa nói rõ về việc xử lý số đầu đạn hạt nhân bị cắt giảm. Phía Nga cho rằng sẽ tiêu hủy số đầu đạn hạt nhân này, trong khi Mỹ chủ trương chuyển số đầu đạn trên cho bộ Năng lượng quản lý. Số lượng và chất lượng các loại phương tiện mang vũ khí đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả tấn công của vũ khí hạt nhân.

Cả Mỹ và Nga đều không có ý định dừng lại ở những thành quả đã đạt được, nhưng với những thuận lợi, khó khăn như trên, điều cốt lõi lúc này là cả Mỹ và Nga phải tích cực đẩy mạnh thực thi kế hoạch theo đúng lộ trình bởi bất cứ nước nào cố trì hoãn hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình thì START 3 cũng sẽ giậm chân tại chỗ như START 1 trước đây. Đặc biệt là việc Ngoại trưởng Nga Sergei Lavrov và giới quân sự Nga vẫn tuyên bố Nga có thể đơn phương rút khỏi Hiệp ước START 3 nếu Mỹ tiếp tục triển khai NMD ở châu Âu đe dọa an ninh của Nga. Theo báo cáo về triển vọng phát triển vũ khí hạt nhân của nhóm nghiên cứu Anh thuộc Hội đồng bảo mật thông tin Anh-Mỹ đưa ra hồi đầu tháng 11/2011, trong vòng 10 năm tới, để đạt được mục tiêu hiện đại hóa và chế tạo mới vũ khí hạt nhân, thế giới sẽ tiêu tốn hàng trăm tỷ USD. Nếu không có những cuộc tranh luận gay gắt về giải trừ vũ khí hạt nhân toàn cầu cùng với việc thiếu hụt những bước quan trọng trong quản lý vũ khí, chúng ta đã chứng kiến kỷ nguyên hiện đại hóa vũ khí nguyên tử cũng như sức công phá mãnh liệt của chúng.

1.4 Việt Nam dù chưa phải là quốc gia có hạt nhân song lại rất quan tâm đến vấn đề này, chủ trương giải trừ toàn diện vũ khí hạt nhân. Chính sách nhất quán của Việt Nam là ủng hộ nỗ lực chống phổ biến vũ khí hạt nhân và các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác, tiến tới giải trừ hoàn toàn các loại vũ khí này. Trong hai ngày tham dự phiên họp

toàn thể Đại hội đồng LHQ tháng 7/2011, thảo luận chủ đề “Làm sống động công việc của Hội nghị Giải trừ quân bị và Thúc đẩy đàm phán đa phương về giải trừ quân bị”, Đại sứ Lê Hoài Trung, Trưởng Phái đoàn Đại diện Thường trực Việt Nam tại LHQ đã đề cao những đóng góp trước đây của Hội nghị Giải trừ quân bị, ghi nhận tiến bộ gần đây trong lĩnh vực giải trừ quân bị như Hiệp ước START mới giữa Mỹ và Nga, bắt đầu có hiệu lực tháng 2/2011, và thành công của Hội nghị Kiểm điểm Hiệp ước không phổ biến hạt nhân (tháng 5/2010). Để thúc đẩy công việc của Hội nghị Giải trừ quân bị, Việt Nam kêu gọi các quốc gia thành viên Hội nghị Giải trừ quân bị sớm thông qua chương trình làm việc, thành lập các cơ chế thương lượng trên 4 vấn đề chính của chương trình nghị sự là "Giải trừ vũ khí hạt nhân," "Bảo đảm an ninh hạt nhân" đối với các nước không có vũ khí hạt nhân, "Cắt giảm sản xuất chất phân hạch" và "Ngăn ngừa chạy đua vũ trang trong vũ trụ," trong đó vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân phải được coi là ưu tiên hàng đầu. Việc tăng cường hòa bình và an ninh quốc tế sẽ tạo môi trường thiết yếu cho tiến bộ về giải trừ quân bị. Sau đó, tại Hội nghị cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện tháng 9/2011, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh một lần nữa tái khẳng định chính sách nhất quán của Việt Nam là thúc đẩy Hiệp ước CTBT sớm có hiệu lực gắn liền với các nỗ lực giải trừ quân bị triệt để, không phổ biến vũ khí hạt nhân, vì hòa bình, ổn định để phát triển.

Là một thành viên tích cực của Liên hợp quốc, Việt Nam đã tham gia và luôn thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình đối với nhiều điều ước quốc tế lớn về giải trừ quân bị và chống phổ biến. Ở Đông Nam Á, Việt Nam đang hợp tác chặt chẽ với các nước ASEAN và các đối tác khác thực hiện Hiệp ước về Khu vực phi hạt nhân, đóng góp vào việc duy trì hòa bình, an ninh khu vực.